

CỬA TÙNG ĐÔI CÁNH GÀI



THÍCH NHẤT HẠNH

Cửa Tùng Đôi Cánh Gà

Khi chàng dừng sĩ về đến chân núi thì trăng cũng vừa lên. Trăng mười chín soi sáng cảnh núi rừng cô tịch. Ánh trăng nhấp nháy đùa giỡn trên lá cây. Đêm thu mát lạnh. Cảnh vật hình như không có gì đổi thay sau bảy năm xa cách. Cảnh vật tuy không xa lạ, nhưng cũng không thân mật chào đón người cũ từ phương lạ trở về. Chàng dừng sĩ dừng lại ở chân núi, nhìn lên.

Trước mặt chàng, con đường mòn lên núi đã bị đôi cánh cửa tùng khép chặt. Chàng đưa tay cố đẩy. Nhưng hai cánh cửa kiên cố vẫn im lìm không lay chuyển dưới sức mạnh của đôi cánh tay chàng. Chàng lấy làm lạ. Ngày xưa chẳng bao giờ sư phụ chàng lại cho đóng chặt cửa lên núi như thế này. Chỉ có một con đường đưa tới am sư phụ mà thôi, nhưng bây giờ lại bị đóng chặt. Hớn hờ chàng vỗ tay vào đốc kiếm, phi thân nhảy qua, nhưng chàng không nhảy qua khỏi. Một mãnh lực gì níu lấy thân chàng trở lại, khiến chàng không cất mình lên khỏi hai cánh cửa tùng. Chàng rút gươm định chém rời cánh cửa, nhưng khi chạm tới cánh cửa, lưỡi gươm văng trở lại như vừa chạm vào thép cứng. Chàng chùn tay, đưa lưỡi gươm lên nhìn. Lưỡi thép sáng loáng dưới ánh trăng. Cánh cửa tùng rắn quá, và hình như đã thu nhận thần lực của sư phụ chàng, nên đã đóng kín đường mòn lại một cách hết sức vững chãi. Chàng thở dài cho gươm vào vỏ rồi ngồi phịch xuống tấm đá lớn gần bên, ôm đầu nghĩ ngợi. Bảy năm về trước, chàng còn nhớ rõ khi chàng xuống núi, sư phụ chàng đã lặng lẽ nhìn chàng một hồi lâu, không nói năng gì. Cái nhìn của Người tuy dịu dàng nhưng có lẫn đôi chút xót thương. Chàng đã cúi đầu im lặng trước đôi mắt dịu hiền và cái nhìn bao dung của sư phụ. Hồi lâu Người mới thông thả bảo chàng:

- Ta không thể giữ con ở mãi bên ta. Thế nào con cũng phải xuống núi để hành đạo, để cứu người và giúp đời. Ta cho rằng con có thể ở lại cùng ta trong một thời gian nữa trước khi con rời ta xuống núi. Nay con đã muốn xuống thì con cứ xuống. Nhưng

con ạ, ta mong con nhớ những điều ta dặn khi con đã đi vào cuộc sống đồng sự và lợi hành.

Rồi Người cận kề dặn chàng về những điều chàng nên tránh, và về những điều chàng nên làm. Sau hết, Người từ tốn và dịu dàng để tay trên vai chàng:

- Con phải nhớ những tiêu chuẩn hành động mà ta đã truyền thọ cho con trong năm sáu năm trời học tập. Chớ bao giờ làm một việc gì có thể gây khổ đau cho mình và cho kẻ khác, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Hãy tiến bước mạnh dạn trên con đường mà con chắc có thể đưa con và mọi người về nơi giác ngộ. Nên nhớ muôn đời những tiêu chuẩn khổ vui và mê ngộ mà hành Đạo, độ Đòi. "Thanh bảo kiếm mà ta đã trao cho con, con hãy sử dụng nó để diệt trừ ma chướng. Hãy xem đó như lưỡi gươm trí tuệ nơi tâm con sẽ dùng để hàng phục mê chướng và si vọng. Nhưng để giúp con, ta cho con thêm một bảo bối này để con có thể thành tựu công quả một cách dễ dàng.

Người thông thả lấy trong tay áo ra một chiếc kính nhỏ và đưa cho chàng:

- Đây là Mê Ngộ Cảnh. Tắm kính này sẽ giúp con biết rõ thiện ác, chính tà. Có người gọi nó là kính chiếu yêu, bởi vì qua tấm kính này, con có thể thấy được nguyên hình của loài yêu quái."

Chàng nhận bảo kính và cảm động đến nỗi nói không nên lời. Tờ mờ sáng hôm sau, chàng lên bái biệt sư phụ xuống núi. Người tiễn chàng xuống tận dòng Hồ Khê và thầy trò từ biệt nhau trong tiếng suối róc rách chảy. Sư phụ đặt bàn tay hiền dịu trên vai chàng nhìn thẳng vào cặp mắt chàng. Và nhìn theo chàng dững sững ra đi. Người còn dặn theo:

- Nhớ không con, nghèo khổ không thay đổi, vũ lực không khuất phục, giàu sang không mờ ám nhé. Ta ở đây đợi ngày con mang đạt nguyện trở về.

Chàng nhớ lại những ngày đầu tiên xuống núi tiếp xúc với cuộc đời. Chàng đã gặp trên con đường hành đạo bao bộ mặt khác nhau của

con người, đã dùng bảo kiếm và mê ngộ cảnh của sư phụ chàng một cách có hiệu quả. Chàng còn nhớ có một lần kia, trên con đường hành đạo, chàng gặp một vị đạo sĩ tay cầm phất trần, đi lại gần chàng và mời chàng về động để bàn tính công việc giúp đời. Đạo sĩ tỏ ra rất hăng hái với việc cứu nhân độ thế và giúp ích mọi loài. Ban đầu, chàng say sưa nghe theo lời đạo sĩ.

Nhưng trong lúc tiếp xúc với vị đạo sĩ, chàng nhận thấy người này có vẻ khả nghi. Chàng đưa tay rút mê ngộ cảnh ra chiếu. Trước mắt chàng, không phải là một đạo sĩ mà là một con yêu lớn có hai nanh dài, một cặp sừng trên trán và hai con mắt xanh lè đỏ lửa. Chàng vội nhảy lui lại và rút bảo kiếm chém. Yêu quái cố sức kháng cự, nhưng cuối cùng, chàng thắng, và yêu quái hiện nguyên hình quỳ dưới chân chàng xin dung toàn tánh mạng. Chàng bằng lòng tha tội nhưng buộc yêu quái phải trân trọng hứa lui về tu luyện để thoát xác thành người mà không được trá hình đạo sĩ để lừa bịp và tìm cách nuốt sống những kẻ khò dại dễ tin.

Một lần khác, chàng gặp một vị đường quan, rất có dáng dấp một bậc cha mẹ dân. Vị đường quan râu dài bạc phơ, hứa sẽ trọng dụng chàng và đã chịu khó thức suốt một đêm để bàn với chàng về những điều chánh trị ích quốc lợi dân. Vị đường quan đã tỏ ra mình là một người thiết tha đến hạnh phúc muôn dân, nhưng khi đưa mê ngộ cảnh lên, chàng hoảng hốt nhận đó là một con heo khổng lồ với cặp mắt háu đói, thèm khát, vô cùng khủng khiếp. Chàng đứng dậy rút gươm chém. Yêu quái bỏ chạy nhưng chàng đã nhảy ra đứng chặn giữa cửa công đường và hét bảo nó hiện nguyên hình. Con heo kinh khiếp hiện hình quỳ dưới chân chàng cầu xin tha tội và hứa sẽ về tu luyện tinh tấn, thoát xác biếng lười, không còn dám trá hình để rúc rĩa xương thịt người dân vô tội.

Có một hôm, đi ngang qua chợ, chàng thấy thiên hạ già trẻ trai gái xúm quanh ngôi hàng sách. Người đang bày bán sách và tranh cho mọi người là một cô gái mặt hoa da phấn, trên miệng luôn luôn sẵn có một nụ cười. Thiên hạ trầm trồ khen ngợi tranh vẽ và thi nhau mua sách. Bên cạnh cô ta lại có một cô gái khác, cũng mặt hoa da phấn, tay

ôm đàn, miệng cất tiếng hát khiến mọi người đã mua sách phải mê mẩn tâm thần không muốn ra khỏi cửa hàng. Thật là một cảnh thái bình nên thơ. Chàng cũng ngây ngất đứng nghe, và cuối cùng chàng lại gần cầm lên một bức họa. Màu sắc làm chàng choáng ngợp, nhưng qua nội dung chàng thấy thoáng gọn trong tâm linh một ít nghi ngờ. Đưa mê ngộ cảnh lên nhìn, chàng hốt hoảng thấy nguyên hình hai con rắn độc, phun nọc phè phè. Chàng vội gạt mọi người ra, rút bảo kiếm, quát lên: Nghiệt súc! đừng phun nọc độc hại người. Mọi người chạy tán loạn. Hai con rắn độc vắng mình tới. Nhưng trước thần lực của lưỡi bảo kiếm, cuối cùng đành phải khoanh tròn dưới gối chàng van xin thứ tội. Chàng dùng bảo kiếm cắt đứt nọc độc, đốt cháy cửa hàng và tha cho yêu súc, buộc cả hai phải hứa trở về núi tu luyện cho thoát kiếp ngậm nọc phun người. Cứ thế, chàng đã sử dụng bảo kiếm và mê ngộ cảnh theo đúng lời sư phụ dặn để cứu người và giúp đời.

Chàng đã sống miệt mài với nhiệm vụ. Đã từ lâu chàng vẫn tự cho rằng chàng là người dũng sĩ cần thiết cho cuộc đời. Cuộc đời không thể vắng bóng chàng. Chàng đã trà trộn trong cuộc sống, có khi thành công, nhưng cũng nhiều khi thất bại. Đối diện với cuộc sống đầy mưu mô gian trá, nhiều lúc chàng phải uốn mình, linh động theo hoàn cảnh để chinh phục và chiến thắng. Có lúc chàng say sưa miệt mài trong công việc. Chàng cảm thấy thích thú khi hành động. Có khi chàng say mê quên cả ăn cả nghỉ, vì một sự theo đuổi mà chàng cảm thấy vì vui thích mà thực hiện hơn là ý thức rằng mình cần hoạt động để mà phụng sự. Thời gian trôi cứ như thế cho đến bảy năm. Một hôm trong lúc ngồi nghỉ bên một dòng sông, nhìn dòng nước lặng lẽ trôi, chàng giật mình thấy đã từ lâu, gần hai năm nay, chàng không dùng đến mê ngộ cảnh. Chàng không dùng, không phải là chàng quên rằng mình có mê ngộ cảnh, mà chỉ vì chàng thấy không thích dùng. Chàng nhớ lại trước đây đã có một thời chàng dùng mê ngộ cảnh một cách miễn cưỡng. Chàng nhớ lại những ngày mới xuống núi ấy, chàng đã chiến đấu rất hăng hái khi thấy nguyên hình những yêu quái xuất hiện trên mê ngộ cảnh. Chàng cũng cảm thấy hân hoan vô hạn khi soi thấy trên mê ngộ cảnh hình dáng các bậc hiền nhân. Nhưng trong thời gian trước đây, một cái gì khác lạ đã đến trong tâm

hồn chàng, đến lúc nào chàng không nhận rõ. Chàng đã không thiết tha lắm khi nhìn thấy hình bóng một bậc hiền nhân, mà cũng không giận dữ lắm khi thấy một bóng hình yêu quái. Trong bóng hình yêu quái đó, đôi khi chàng lại nhận ra một vài nét hơi quen thuộc, và lưới bảo kiếm đã có thò ơ khi có những bóng hình yêu quái xuất hiện trước kính thần.

Cho đến những ngày gần đây, chàng không dùng mê ngộ cảnh nữa. Chiếc kính vẫn nằm trong túi áo chàng, nhưng đã từ lâu không còn được sử dụng. Chàng lấy làm lạ và đã nói nhiều lần định quay về hỏi sư phụ. Nhưng đã ba tháng qua, bận bịu những gì không đâu, chàng chưa có thể trở về. Mãi cho đến hôm mười hai tháng tám trước đây, đi qua một rừng mai hoa nở, thấy sắc hoa trắng như tuyết lấp lánh dưới ánh trăng thu, nhớ đến những ngày thơ ấu bên rừng mai già học tập dưới chân thầy, chàng mới quyết định trở về. Đường về sao chàng thấy xa quá. Bảy ngày trèo non lặn suối mới về tới được chỗ cũ.

Nhưng đến chân núi thì trời đã tối. Trăng cũng vừa lên và hai cánh cửa tùng cũng đã khép chặt lối mòn. Chàng đành phải đợi. Buổi sáng, người sư đệ của chàng thế nào cũng phải xuống suối múc nước, và như vậy sẽ mở cửa cho chàng. Trăng đã lên tới quá đỉnh đầu, ánh trăng vàng vạc chiếu xuống rừng núi âm u. Trời càng về khuya càng lạnh. Chàng lại rút kiếm ra nhìn. Ánh trăng lại lấp lánh trên lưới kiếm. Chàng lại tra kiếm vào vỏ. Trên mặt chàng thoáng nét ưu tư sầu muộn. Chàng đứng dậy. Trăng sáng quá. Núi rừng vẫn u tịch và lạnh lùng. Chàng ngồi xuống phiến đá chờ đợi. Quãng đời bảy năm qua lại trở về trong trí óc chàng. Trăng dần dần về phía núi xa. Ngàn sao lấp lánh linh động hơn, và cuối cùng bắt đầu mờ nhạt. Phương đông đã nhuộm dần ánh sáng mờ mờ.

Đường viền ngọn núi đã nổi dần trên vàng sáng nhạt. Bình minh sắp về. Chàng nghe tiếng lá khô xào xạc trên núi. Ngưng lên chàng thấy một bóng người mờ nhạt từ trên đi xuống. Chắc hẳn là người sư đệ của chàng. Trời đang tối quá chàng nhìn không rõ, chỉ thấy hình bóng.

Nhưng chắc chắn đó là người sư đệ, bởi vì tay có cầm tịnh bình. Chàng đứng dậy. Bóng người tiến xuống và khi đến gần cánh cửa thì cũng vừa nhận ra được chàng dũng sĩ.

- Đại huynh
- Sư đệ!
- Đại huynh về bao giờ thế?
- Ta về lúc trăng mới lên và phải đợi cả đêm dưới này. Tại sao sư phụ lại cho đóng kín lối lên như thế?

Người sư đệ mỉm cười đưa nhẹ tay mở cửa. Hai cánh cửa tung bật ra một cách dễ dàng. Bước ra nắm lấy tay chàng và nhìn chàng tận mắt.

- Đại huynh ở một đêm giữa trời chốc lạnh lắm. Sương phủ ướt áo thế này mà, thôi để tiểu đệ phủi bớt cho. Trước kia đệ thường ở dưới núi hái rau nhặt củi và luôn tiện canh chừng người lên núi. Lâu lâu mới có một người lên núi. Nếu tiểu đệ thấy ai đáng lên hầu sư phụ thì tiểu đệ cho lên, nếu họ không đáng lên thì em lần tránh để cho họ lạc đường. Sư huynh biết rằng sư phụ không bao giờ muốn tiếp những người lên núi với tâm niệm không lành. Đệ này tiểu đệ bận tập luyện luôn mà sư phụ cũng bận ngồi tĩnh tọa trong thạch động nên người dặn cho đệ khép cửa chắn ngang lối lên dưới này. Sư phụ có trao phép lạ khiến cho cửa tự động mở ra khi các bậc hiền nhân đến. Nhưng khi những kẻ phạm tục lên thì cửa cứ đóng chặt không thể nào vượt qua được. Nhất là khi kẻ ấy có yêu khí thì đừng mong lên núi.

Chàng dũng sĩ cau mày:

- Nhưng không lẽ ta mà lại là yêu quái? Sao cửa lại đóng chặt?"

Người sư đệ cười lớn:

- Vâng đại huynh sao lại là yêu quái được! Đệ cũng quên đi mất là tại sao cửa lại đóng. Nhưng bây giờ dù sao thì đại huynh cũng lên núi được rồi cơ mà, vì cửa đã mở. Nhưng đại huynh

đội em chút nhé. Để tiêu đệ xuống suối mức nước rồi cùng lên một thể. Hay đại huynh xuống suối với đệ cho vui. Cười lên chứ, đại huynh giận ai mà nét mặt trông khó đăm đăm như vậy.

Hai anh em cười vang. Chàng dũng sĩ đi theo người sư đệ xuống suối. Mặt trời vẫn chưa lên, nhưng phương đông đã rạng. Hai người đã có thể nhìn rõ mặt nhau. Mặt suối lặng trong, in màu hồng của rạng đông. Bóng hai người đứng song song in hình trên mặt suối. Chàng dũng sĩ trong bộ võ phục hiện ngang, lưng đeo trường kiếm. Người sư đệ trong y phục tiểu đồng hòa nhã, tay cầm tịnh bình. Hai người cùng nhìn bóng mình in trên mặt nước mỉm cười. Một con bọt nước nhảy, làm mặt nước hồng gợn nhẹ và bóng hai người rung rung theo làn sóng nước gợn.

- Bóng chúng ta trên mặt nước đẹp quá nhỉ! Nếu bây giờ tiêu đệ mức nước thì sóng dậy và bóng tan mất. À này đại huynh "mê ngộ cảnh" sư phụ cho đại huynh còn giữ đó không?

Chàng dũng sĩ cho tay vào túi trả lời:

- Còn đây
- Tại sao chúng ta không đem ra chiếu hình chúng ta xem nào.

Chàng sực nhớ là từ lâu chàng chưa chiếu mê thử trước hình bóng mình. Chàng lấy kính thần ra, lau bụi vào vạt áo, chiếu trên mặt nước. Hai anh em châu đầu vào mặt kính.

Nhưng bỗng cả hai người cùng hét lên một tiếng kinh hoàng, khủng khiếp, và tiếp theo đó chàng dũng sĩ ngã quỵ trên bờ suối bất tỉnh. Tiếng hét kinh khủng làm chấn động cả núi rừng hoang dại. Một con nai đang uống nước phía trên dòng hoảng hốt đưa đầu lên nhìn, ngờ ngác kinh sợ. Người sư đệ vừa trông thấy trong kính thần, hình bóng của mình đứng bên cạnh hình bóng một con yêu to lớn với đôi mắt tối sâu như hai miệng giếng không đáy, hai chiếc răng dài quặp sâu vào chiếc cằm vuông, trên một khuôn mặt xám ngoẹt như gà cắt tiết.

Người sư đệ rùng mình dụi mắt nhìn lại, trên bờ suối đá xanh, chàng dũng sĩ vẫn nằm ngả lãn bất tỉnh, trên mặt vẫn còn in rõ nét kinh hoàng, đau khổ hiện hình một cách thảm hại trên con người đã từng xông pha lãn lộn bảy năm trong cuộc đời đầy cát bụi.

Người sư đệ đến ôm lấy chàng dũng sĩ và lấy nước suối vã vào mặt chàng. Vài phút sau, chàng tỉnh dậy, nét mặt vô cùng bi thảm. Hình bóng trên mê ngộ cảnh hiện ra bất ngờ quá và ý thức tự giác trong nháy mắt đã làm cho chàng ngã quỵ. Chàng đã mất hết nghị lực, mất hết sự sống. Tứ chi chàng rời rã, chàng không thể đứng dậy được nữa. Một chân quỵ xuống cát, người sư đệ dịu dàng nâng chàng ngồi dậy. Nét thiếu não và khổ đau còn in rõ trên khuôn mặt chàng.

- Thôi, đại huynh vui lên. Chúng ta sẽ lại lên núi

Giọng nói của người sư đệ êm như một hơi gió thoảng, nhẹ như một tiếng thì thầm. Nhưng chàng lắc đầu một cách thất vọng. Chàng không còn muốn sống. Đau khổ đã làm chàng thảm não và tâm hồn chàng vừa bị tàn phá tang thương như mặt đất sau cơn phong vũ điên cuồng. Chàng không còn dám có ý tưởng lên núi để nhìn mặt sư phụ. Người sư đệ vuốt tóc chàng, an ủi:

- Thầy thương anh lắm. Không sao đâu, đại huynh sẽ ở mãi bên thầy (vỗ vè). Đại huynh sẽ sống bên em như những ngày xưa êm đẹp cũ (khóc). Em không ngờ bao nhiêu năm dưới núi đã tàn hại anh đến thế.

Và người ta thấy trên con đường mòn cheo leo lên núi, bóng người sư đệ lần từng bước dìu chàng dũng sĩ trở lên động. Trời vẫn còn chưa sáng hẳn, bóng hai người in trên màn sương mỏng nhẹ của núi rừng buổi sáng. Tia nắng đầu tiên soi rõ dáng điệu thiếu não rời rã của chàng dũng sĩ bên cạnh dáng điệu điệu dàng từ hòa của người sư đệ. Mặt trời đã nhô khỏi đỉnh núi xa.

Một Bó Hoa Đồng

Ngày xưa có một bác nông phu tánh tình dễ thương, người vợ bác sanh được hai người con thì mất. Bác nuôi hai con cho đến khi thằng anh lên mười sáu tuổi và con em lên mười một thì bác thọ bệnh và qua đời. Theo lời di chúc của bác, hai người con chôn bác trên một đám ruộng nhà, một đám ruộng xung quanh có trồng nhiều cây ô môi và cây so đũa.

Dù nhà nghèo, bác nông phu đã quyết tâm không bán bớt ruộng đất của ông cha để lại. Trong di chúc truyền miệng lại sáu đời, cha ông chúng ta căn dặn rằng: “Con cháu không ai có quyền bán đất.”

Hai anh em nghe nói rằng tổ tiên cách đây sáu đời đã từ miền trung di cư tới; trước đó đất đai miền này chưa được khai phá, và chưa thuộc quyền sở hữu của bất cứ tư nhân nào. Bốn đám ruộng hiện nay là công trình khai phá của thế hệ đầu tiên vào nam lập nghiệp. Có thể họ không phải là nông phu mà chỉ là người ẩn sĩ, học lấy những nghề để tìm đường thoát khỏi những ràng buộc của hoạn lộ chông gai. Từ đó, con cháu trở thành nông phu thuần túy. Trước khi mất, bác nông phu đã gọi hai con đến bên giường vá dặn dò nghiêm mật:

- Cha đã từng nói với các con là bốn đám ruộng nhà mình không ai được bán. Sau khi cha mất đi các con phải giữ gìn khai thác những đám ruộng ấy, không cho ai thuê mượn. Đã từ năm đời nay, cha ông chúng ta tin có vàng có bạc, châu báu chôn ở một nơi trong bốn tấc ruộng đó. N hưng từ ấy đến nay chưa ai tìm ra được. Nghe nói là tổ tiên của chúng ta từ miền Trung vào đây đã chôn dấu những kho tàng ấy. Các ngài có để lại một bài kệ nói trang 44 của cuốn gia phả. Ông nội các con nói rằng bài kệ ấy có thể là chìa khóa đi tìm chỗ chôn kho bảo vật. Đã từ năm đời, chưa ai tìm được bảo vật, bởi vì chưa ai hiểu được ý nghĩa sâu kín của bài kệ. Ông nội các con có nói với cha rằng, muốn hiểu được ý nghĩa sâu xa của bài kệ thì phải để ra thật nhiều thời giờ mà chiêm nghiệm. Trong suốt cuộc đời của ông nội các

con, đất nước chúng ta thường bị loạn lạc, và ông nội các con thường phải đi lánh nạn nhiều lần. nhà của bị tan nát, ông nội các con đã phải cực nhọc lắm mới xây dựng được căn nhà này. Vì thế ông nội các con không có thì giờ để nghiên ngẫm bài kệ. Trước khi mất, ông nội các con có căn dặn lại mọi điều, và hy vọng rằng cha sẽ có tháng rộng năm dài mà chiêm nghiệm về bài kệ. Nhưng than ôi, dù không bị chạy loạn, dù không phải lo cất lại nhà, cha vẫn không có được thì giờ để làm công việc ấy. Sau khi cưới mẹ các con, cha tưởng rằng công việc đồng áng sẽ nhàn hạ hơn, bởi vì mẹ con cũng là con gái một nông dân cần mẫn lắm. Mẹ con rất đảm đang, không những lo lắng hết công việc trong nhà mà còn giúp cha rất đắc lực trong công việc ngoài đồng. Tuy vậy cha vẫn không có được chút thì giờ rộng rãi cần thiết để làm cái công việc mà bao nhiêu thế hệ mong mỏi mà chưa làm được.

Nay thì hoài bão đã trao về thế hệ các con. Hãy đừng quá bận rộn như cha. Hãy làm đủ ăn mà thôi, đừng phí hết thì giờ vào việc mưu sinh. Các con hãy thay cha mà tìm ra được ý nghĩa sâu xa của bài kệ, tìm ra được kho vàng. Như thế thì mới khỏi phụ lòng của tiên tổ chúng ta nơi chín suối. Cuốn gia phả cha vẫn cất trong chiếc hộp gỗ đặt trên bàn thờ. Các con phải nhớ là bài kệ ở trang 44.

Sau khi chôn cất cha xong, hai anh em lạy trước bàn thờ tổ tiên và thỉnh cuốn gia phả xuống, cung kính mở ra đúng trang 44. Người anh đọc bài kệ như sau:

*Thượng vô phiến ngôa giá
Hạ vô trác chùy địa
Hoặc dịch phục trực nghệ
Hoặc sách trượng nhi chí
Động chuyển xúc xú gian
Tợ long dược thôn nhĩ. ^[1]*

Cả hai ngồi lặng yên thật lâu. Tuần nhang cháy đã gần hết trên bàn thờ, cô em gái mới lên tiếng:

- Anh hai có hiểu được chút gì không? Em nghe bài kệ hay hay nhưng em chẳng hiểu được chút nào hết.

Người anh không đáp, lẳng lặng xếp cuốn gia phả lại, bỏ vào hộp gỗ, kính cẩn đặt lại trên bàn thờ. Cả hai lại sụp lạy trước tổ tiên. Một lúc lâu, người anh nói:

- Đúng như lời của ông nội dạy. Phải có tháng rộng năm dài mới hiểu lời của tiên tổ. Chúng ta sẽ nghe lời nội dạy. Nhất định là sau khi thu xếp của nhà, chúng ta sẽ để thì giờ thật nhiều để chuyên tâm nghiên cứu về bài kệ.

Năm tháng qua mau.

Hai anh em nhà kia đã xây dựng lại căn nhà tổ tiên thành một ngôi nhà mới. Họ được mùa liên tiếp trong sáu năm, nên dư sức xây lại ngôi nhà. Mái ngói đỏ chói. Những cây mít ngoài sân xanh mát sum xuê, trái trĩu nặng từ gốc tới ngọn. Vụ lúa không khi nào voi. Hai con trâu đen khoẻ mạnh thay nhau kéo cày vỡ những thửa ruộng đất đen như mun, làm mọc lên những cánh đồng lúa xanh mơn mớn. Hai anh em làm ăn khá giả. Người trong làng hầu hết đều yêu mến hai người. Người anh cũng như người anh, cả hai đều tốt bụng. Có người tới vay lúa, họ không bao giờ từ chối, không bao giờ lấy lãi một thành hai như mọi người. Không có kẻ túng bản nào đến gõ cửa mà cửa không mở. Người làm lụng phụ với anh em đều là người chân thật, biết xem của chủ như của mình. Khách khứa vào những ngày kỵ giỗ, ra vào tấp nập. Ai cũng khen là anh em tốt phước. Các cô gái trong làng đều để ý tới người anh. Nhưng chưa bao giờ người anh nghĩ đến chuyện cưới vợ. Anh ta nhất quyết không lấy vợ, để có thể có nhiều thì giờ nghiên ngẫm tới bài kệ của tiên tổ để lại trong cuốn gia phả trên bàn thờ.

Cô em gái cũng đến tuổi lấy chồng. Các chàng trai làng cũng đều ngắm nghé, bởi vì cô vừa thùy mị xinh đẹp, vừa hiền hậu nhân từ. Cô

lại là một người làm ruộng giỏi, giúp anh quán xuyến công việc từ trong tới ngoài. Nhiều người đã nhờ mai mối tới dạm, nhưng cô thảy từ chối. Có lẽ là cô cũng đồng ý với anh cô: sống độc thân để có đủ tự do và thời gian mà tìm ra ý nghĩa của bài kệ.

Nhưng hai anh em chưa ai tìm ra được ý nghĩa của bài thơ. Công việc làm ăn tuy chẳng có gì bận rộn quá mức, nhưng cả hai đều không thấy có thì giờ. Nợ nần không có, nhà cửa khang trang, ruộng đất phì nhiêu, mùa màng không thất bát, người làm lụng giúp đỡ không thiếu, tại sao thì giờ lại cứ như tên bay? Có lúc người anh nằm vắt tay trên trán suy nghĩ suốt đêm. Cơ nghiệp của cha ông để lại, anh đã gánh vác tốt đẹp, nhưng tại sao trong lòng anh thấy không vui? Bài thâm diệu kia có dính líu gì tới cuộc đời anh? Tại sao chưa tìm ra được ý nghĩa màu nhiệm của nó thì anh vẫn không thấy trong lòng an ổn? Anh thật có cần tìm ra kho vàng bạc của cha ông để lại chẳng? Hay chỉ cần làm theo lòng mong đợi từ đời này sang đời khác của họ? Lắm khi anh tự nghĩ: cơ nghiệp mà anh đã xây dựng, nào nhà cửa, nào vườn tược ruộng nương, chính là trở ngại cho sự tìm kiếm của anh. Một ngày chỉ có hai mươi bốn giờ đồng hồ. Thức dậy, cơm sáng ra đồng; bữa trưa nghỉ lưng dưới gốc cây trên bờ ruộng; buổi chiều chăm lo công việc cho đến khi trâu bò về chuồng. Buổi tối, sau khi tắm rửa và ăn cơm, anh đi ngủ. Ngày nào cũng như ngày nào. Gặp những ngày hội anh cũng nghỉ ngơi rong chơi, tham dự. Nào có bận bịu gì lắm cho đang. Có ai tay không làm mà hàm có nhai đâu. Một ngôi nhà, một vựa lúa, những thửa ruộng, một đàn trâu bò... đó có phải là một nơi nương tựa căn bản hay không? Trên cái căn bản ấy, tại sao anh chưa lên đường đi tìm? Anh còn thiếu thốn gì? thì giờ. Ông nội anh nói đến thì giờ. Cha anh nói đến thì giờ. Bây giờ anh cũng nói đến thì giờ. Thì thì giờ đấy – Anh mới có hai mươi tuổi. Làm gì cho hết thì giờ. Tuy nhiên anh không có thì giờ. Không nhà cửa ruộng nương thì không có miếng đất cắm dùi, anh sẽ đi lang thang. Có nhà cửa ruộng nương, anh phải dùng đời anh vào việc chăm sóc nhà cửa ruộng nương. Anh trần trọc không ngủ. Anh nghĩ đến những đạo sĩ ngày xưa bỏ làng bỏ xóm, bỏ cửa bỏ nhà, đi vào rừng sâu hiu quạnh để tìm đạo. Anh nghĩ: “Ừ, có lẽ phải bỏ hết mới có được thì giờ.

Nhưng làm sao mà bỏ. Cơ nghiệp tổ tiên để lại ai lại bỏ đi. Với lại kho vàng nằm trong những đám ruộng của mình. Bỏ đi là mình mất hết.”

Cứ như thế, năm tháng lại tiếp nối qua mau. Thấm thoát mà chàng nông phu đã gần ba mươi tuổi. Niềm thao thức nói anh không chết, trái lại càng ngày càng sâu đậm hơn. Đời sống hằng ngày trở nên vô vị. Những ngày mùa, lúa chín đầy đồng, thợ gặt hái vui đùa vừa hát vừa làm việc. Những đêm trăng đập lúa, trai gái trong làng hội họp hát hò, anh không còn thấy vui nữa. Cô em gái bảo anh:

- Hay là anh để em quán xuyến hết mọi công việc nhà cửa và đồng áng để anh hoàn toàn rảnh rảnh mà lo chiêm nghiệm bài kệ? Em thấy anh không còn hạnh phúc nữa.

Ban đầu, chàng nông phu thấy ý kiến của cô em gái thật hay. Nhưng khi đem ý kiến đó ra thi hành, chàng thấy đó không phải là việc dễ. Đã đành, cô em gái có đủ khả năng quán xuyến mọi việc trong nhà ngoài ngõ, nhưng tại sao anh lại không thể ở không? Anh đã quen công việc quá rồi, không động tay vào công việc thì anh ngứa ngáy hai tay và đôi mắt. Anh chợt thấy, anh không thể ở không được. Anh đem ý ấy ra nói với cô em gái. Cuối cùng hai anh em tìm ra được một giải pháp: người anh tạm giao cho em tất cả sự nghiệp, còn mình thì tìm một ngôi chùa miền trung xa xôi, ở lại đấy cho đến khi chiêm nghiệm ra được ý nghĩa của bài kệ. Trong thời gian ấy, cô em gái cứ gửi lúa ra cúng chùa mỗi tháng là mười tạ. Họ nghĩ: Khung cảnh chùa thật là thích hợp cho sự chiêm nghiệm bài kệ. Ở chùa, chàng nông phu sẽ rảnh được hoàn toàn mà suy nghĩ tới bài thơ, không còn bị công việc đồng áng ám ảnh nữa. Thế là chàng chuẩn bị để lên đường.

Chàng nông phu bước chậm chậm trên con đường làng, khăn gói trên vai. Hôm nay chàng trở về nông trại sau ba năm cư trú nơi thiền môn. Trời nắng, con đường làng vắng vẻ, chàng chưa gặp một bóng người. Đi đến ngã tư có cây đa già, chàng dừng lại tránh nắng. Chàng đặt khăn gói xuống đất và ngồi trên một cái rễ cây. Cảnh vật im lìm. Hồn buổi trưa nao nao.

Ba năm cư trú nơi thiên môn đã giúp cho chàng được những gì? Ba năm sống trong chùa chàng cũng phải làm lụng như mọi người trong đại chúng. Gánh nước, lật rau, đốn củi, trồng khoai. Công việc có phần nặng nhọc hơn cả công việc ở nhà, vì ở nhà chàng còn có người giúp việc đỡ đần, còn ở chùa thì ai cũng phải làm việc như nhau. Những giạ lúa cô em gửi ra cúng chùa, không đỡ đần được công việc cho chàng, bởi vì chấp lao phục dịch là một phần của công phu tu hành, không ai tránh khỏi. Bài kệ chàng học thuộc lòng từng câu, từng chữ một. Chàng đọc thầm trong trí hàng vạn lần trong những giờ ngồi thiền. Nhưng không vỡ vạc ra được tí nào. Hai câu đầu chàng cho là bí hiểm nhất:

*Trên không manh ngói che
Dưới không chỗ cắm dùi*

Một địa điểm như thế thì thật có khác gì một phi-địa-điểm. Không lý là một cái ao? Một cái ao vẫn có thể cắm dùi được. Mà trong bốn thửa ruộng làm gì có ao? Chỉ có cái ao bèo sau nhà mà thôi. Không lý kho tàng lại chôn dấu dưới đáy ao? Hay là kho tàng che dấu dưới một tảng đá? Đúng rồi, trên một tảng đá thì không thể cắm dùi được. Mà trong bốn đám ruộng chàng thường cày bừa, làm gì có một tảng đá nào? Chàng nghĩ: Một nơi mà “**trên không manh ngói che**” thì phải là một nơi lộ thiên. Như vậy thì phải loại ra những nền nhà cũ và mới. Chàng cho là chàng hiểu được câu ấy. Còn câu thứ hai “**dưới không chỗ cắm dùi**” thì chàng còn phân vân. Đến hai câu:

*Hoặc mặc áo lạ lại
Hoặc xách gậy mà tới*

Thì chàng càng phân vân hơn. Có thể là nơi chôn cất những tổ tiên đầu đến lập nghiệp ở đây. Hai câu thơ gợi ý đám tang: Nhưng mồ mà tổ tiên đều nằm giữa nghĩa địa trong làng, chứ không phải trong bốn thửa ruộng. trong đám ruộng xung quanh có trồng cây và sua đũa thì chỉ có mộ của cha mẹ chàng mà thôi. Trong khi đó thì bài kệ đã để lại từ sáu đời rồi. Kho vàng không thể nào được chôn ở nghĩa địa. Hai câu chót cũng làm chàng lạc lõng không kém:

Lúc tiếp xúc động chuyên

Như rông nháy đóp mồi

Ban đầu chàng nghĩ đó là địa lý. Có lẽ một thầy địa lý giỏi có thể tìm ra được vị trí chôn cất kho tàng. Vị trí này có lẽ là vị trí con rông, và miệng con rông. Một thầy địa lý giỏi có thể quan sát để tìm ra trong bốn thửa ruộng của chàng cái vị trí miệng rông để giúp chàng đào lên kho tàng của cha ông để lại. Nhưng nghĩ cho kỹ lại, đất ruộng phẳng lỳ trong một diện tích hàng mấy trăm cây số làm gì có rông xanh hồ trắng?

Có lần chàng đưa bài kệ cho một vị thượng tọa trong chùa để nhờ ngài giải thích, may ra tìm được ý nào chăng. Vị thượng tọa đọc xong, hỏi chàng chép được ở sách ngữ lục ^[1] nào? Nghe nói chép ở một cuốn gia phả, người cau mày, lấy làm ngạc nhiên. Ngài nói người viết ra bài kệ có dáng dấp một bực xuất thế. Theo lời vị thượng tọa, bài kệ chẳng có dính dấp gì tới địa lý hết. Ba năm trôi qua, chàng không hiểu thêm được gì về bài kệ. Chỉ có lòng chàng là có đổi thay ít nhiều. Chàng nhìn sự thật chăm chú hơn. Ước ao tìm thấy kho vàng của tổ tiên yếu đi. tuy vậy, chàng cảm thấy giữa bài kệ và cuộc sống hàng ngày, giữa bài kệ và sự ăn uống ngủ nghỉ, làm việc của chàng có một liên hệ gì mật thiết lắm. Mật thiết như là giòng máu của cha ông còn lưu nhuận trong cơ thể của chàng.

Ánh nắng đã dịu, chiều mát xuống. Chàng đứng lên, nâng khăn gói vác lên vai, và hướng về phía thôn Hạ nhà chàng. Lúa hai bên đường xanh mon mơn, ngọn lúa gợn nhẹ theo gió chiều. Lòng chàng man mác một niềm vui. Bỗng tiếng hát của ai thoảng bay tới trong gió, giọng hát tươi vui như sóng lúa mon mơn. Chàng dừng lại lắng nghe. Tiếng hát càng ngày càng rõ. Chàng nhận ra đó là tiếng hát của cô em gái chàng. Hướng về tiếng hát, chàng rảo bước đi tìm em, lòng rộn ràng như tết. Đi một quãng nữa, chàng rẽ vào con đường đi tới đình làng.

Từ phía ruộng dâu đi lên, em gái chàng đang đi giữa đàn trâu bò, tay ôm một đóa hoa đồng, vừa đi vừa hát. Cô vẫn chưa trông thấy anh

mình. Nhưng kìa, cô đã trong thấy chàng với chiếc tay nải trên vai và vôi vàng chạy tới. Chàng nông phu cũng chạy lại với em. Thuận tay cô đưa bó hoa hái được ngoài đồng cho chàng.

Chàng nông phu bước lùi lại một vài bước, nhìn cô em gái mình. Cô cũng ngược mắt nhìn anh, mỉm cười. Nàng nhìn anh từ đầu đến chân. Nàng nhìn bộ áo nâu chàng mặc, tay nải màu xám chàng mang trên vai, nàng nhìn vào mắt chàng. Lạ quá, chàng nông phu thấy cái nhìn của em mát rượi như một dòng suối làm thư thái cả thân tâm chàng, Bỗng nhiên bao ưu tư tan biến mất hết, chàng thấy lòng nhẹ nhõm như đám mây bay. Đúng rồi, đó là cô em ruột của chàng, nhưng cái nhìn của cô bao dung và che chở như cái nhìn của một bà mẹ.

Hai anh em lừa đàn trâu bò lên đồi cỏ. Họ đến ngồi trên một mô đất có bóng cây im mát. Chàng bắt đầu kể cho cô em gái nghe ba năm tập tành trên chùa. Nàng nghe chăm chú, không bỏ sót chi tiết nào và không hề ngắt lời chàng.

Chàng kể xong hết chuyện mình rồi quay lại nhìn em. Nước da nàng đen, thân hình nàng mạnh khoẻ, hai mắt nàng sáng và nụ cười thật tươi mát hiền lành. Nàng vốn ít nói. Bây giờ lại càng ít nói hơn. Nhưng trong dáng điệu và cái nhìn của cô em, người anh thấy cô đã tìm ra sự bình an và một nguồn hạnh phúc. Chàng nói thêm cho em nghe về những suy nghĩ sau này của về bài kệ trong cuốn gia phả, và tỏ ý ngạc nhiên là chàng không còn tha thiết mấy đến việc tìm kiếm kho vàng của tổ tiên để lại.

Đến lượt nàng kể chuyện nàng:

“Sau ngày anh ra đi, một mình em coi sóc cửa nhà ruộng nương, nhưng em không cho đó là công việc nặng nhọc khó khăn. Cho nên em đã làm công việc đồng áng một cách thanh thoi. Với sức anh, chỉ trong bảy hôm là anh cày hết ruộng nhà. Em đã để ra đến mười hai hôm, cày thông thả, biết rằng cố gắng làm cho mau xong thì cũng thế thôi; ngày giờ dư ra, biết để làm gì. Công việc nghiền ngẫm bài thơ đã có anh lo liệu.

Nhưng khi cầm lấy bắp cày và thôi thúc con trâu bước tới, em bỗng nghĩ ra một điều mới lạ. Em nói: chỗ đất mà em đang cày đây có thể là nơi chôn dấu kho vàng. Cày được một khoảng, em lại nghĩ: chỗ đất mà em đang cày đây có thể là nơi chôn dấu kho vàng. Nơi nào trong ruộng cũng có thể là nơi chôn dấu kho vàng. Suốt tám ngày trời, cày đến đâu là em nghĩ rằng kho vàng được chôn ở đấy. Cho đến cuối ngày thứ tám.

“Chiều ngày thứ tám khi em đang cày luống cuối cùng của thửa ruộng gần chùa, em bỗng giật mình thấy rằng tất cả ruộng nương của mình, nơi nào cũng là kho vàng, không phải kho vàng cất dấu trong lòng đất mà là kho vàng nơi mỗi tấc đất. Không phải em hiểu theo câu ca dao “Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang, bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu” đâu anh. Không phải vì ruộng đất cho mình lúa mà mình quý nó như vàng. Em thấy rõ ràng rằng **em quý đất vì nó là đất chứ không phải là vàng.**

“Rồi em nhìn ra, em thấy cái cày, con trâu, những đám mây trắng, chân trời và hàng cây bông sứ sau chùa. Em thấy quý cái cày vì nó là cái cày, em quý con trâu vì nó là con trâu, em quý những đám mây vì nó là đám mây, em quý hàng cây bông sứ vì chúng là hàng cây bông sứ. Em nhìn lại em; em cũng thấy rõ ràng em quý em bởi vì em là chính em... Em chợt nghĩ rằng cái em đi tìm không phải là một kho vàng mà là sự có mặt hiển nhiên của em và của mỗi sự vật trong trời đất.

“Tới đó em sung sướng như người ta khi bắt được vàng. Em về tắm gội, ăn cơm với những người giúp việc, và cảm thấy yêu thương cuộc đời, thương yêu mọi người, thương yêu mọi vật. Sáng ngày hôm ấy, em đem trâu ra ruộng tiếp tục cày thửa thứ ba. Suốt ngày hôm ấy và ba ngày kế tiếp sau đó, em cày ruộng với ý thức thật mình mãi, mỗi giọt mồ hôi của em nhỏ xuống ruộng đều như mang linh hồn em tưới vào đất ruộng. Con trâu thật là một người bạn đường quý giá. Em thấy giữa em và con trâu, không có ai là quan trọng hơn ai, và em thấy giữa chúng em có một mối tương quan mâu nhiệm khôn tả.

“Nếu em biết viết, chắc em đã viết thơ kê cho anh nghe những điều đó, và nói cho anh biết dù anh không tìm ra được ý nghĩa của bài kệ, dù anh không tìm ra được kho vàng, thì đời sống của chúng ta vẫn tràn đầy hạnh phúc. Em cứ tiếp tục gửi lúa cho chùa hàng tháng, nghĩ rằng anh cũng như em, khao khát tìm ra kho tàng tổ tiên thì ít mà khao khát tìm ra ý nghĩa bài kệ thì nhiều.

“Riêng em, em cứ mỉm cười không biết nếu tìm ra được kho vàng thì anh và em sẽ dùng vàng để làm gì. Mua thêm ruộng đất chăng, xây cất thêm nhà cao cửa rộng chăng? Ruộng đất từng này cày chưa đủ sao, nhà cao cửa rộng ai mà coi sóc? Cái nhà của anh, mấy miếng ruộng của anh đã chăng đủ làm cho anh mệt mà phải lánh về chùa đó sao?

“Em không tha thiết đến kho vàng. Nhưng bài kệ của tổ tiên để lại, em thấy có gì liên hệ mật thiết đến đời em. Từ ngày anh đọc cho em học thuộc, e thường hay đọc lại một mình. Tối nay em vẫn không hiểu được gì hết. Tuy vậy mỗi lần đọc lên, em thấy rung động trong lòng. Cũng như khi nghe gió kêu xào xạc trong lá sưa đũa, em chẳng biết là gió muốn nói gì, em chỉ biết em ưa nghe tiếng gió thổi như thế và cảm thấy gần gũi rất gió với cây.

“Em không ham muốn gì kho vàng, nhưng nhờ tám ngày cày ruộng trên kho vàng mà em tìm ra được em, được lưỡi cày được con trâu, được đám mây trắng, được cây bông sứ sau chùa. Tối hôm ấy em nằm mơ thấy cha chúng ta nhìn em mà cười, nét mặt rất là hoan hỷ. Em nói với cha: chính anh hai con đã tìm ra kho vàng đó, chớ không phải con đâu.

“Từ ngày ấy, em sống rất thanh thản, ca hát với trâu bò, với nương khoai, ruộng lúa. Em đợi anh về. Anh ở lại trên chùa đến ba năm. Bây giờ anh về, em sung sướng quá.”

Chàng nông phu trẻ lắng nghe những lời nói phát xuất từ đáy lòng của cô em gái. Chàng giật mình khi nghe cô em nói đến phát kiến của nàng về kho vàng. Đã có lần chàng đi sát tới nơi mà chàng chưa đạt qua được. Đúng là cũng có lần chàng cảm thấy không thiết tha tới kho

vàng. Đúng là chàng cũng thấy là bài kệ của tổ tiên có liên hệ mật thiết tới chàng như giòng máu tổ tiên hiện đang lưu chuyển trong từng huyết mạch. Có lẽ vì chàng đi tìm nên chàng nên chàng đã không gặp và em chàng đã gặp vì đã không có ý muốn đi tìm. Sáng mai, chàng sẽ đi thăm lại ruộng đồng, nhìn lại bắp cày, con trâu, bông lúa, để thấy lại lòng mình sau bao nhiêu năm xa cách.

Chàng đứng dậy, nhìn cô em với cặp mắt biết ơn và thân ái. Hai người lên đồi, đưa đàn trâu bò xuống. Trên con đường về nông trại, chàng nông phu nghe trời đất và quê hương như một cánh tay hiền từ ôm trọn lấy lòng chàng.

[1]. Kệ của thiền sư Tịnh Không (1091-1170) trong Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục. Nguyễn Lang dịch như sau:

*Trên không manh ngói che
Dưới không đất cắm dùi
Hoặc mặc áo lạ lại
Hoặc xách gậy mà tới
Lúc tiếp xúc động chuyển
Như rồng nhảy đớp mồi.*

Giọt Nước Cánh Chim

Đề tưởng niệm Nhật Chi Mai

Trong một khu rừng thâm u ở cao nguyên, có một cổ thụ già người ta không biết là đã sống mấy ngàn năm. Thân cổ thụ lớn mười tám người ôm không xuể. Những chiếc rễ lớn của cổ thụ, phần nhô lên trên mặt đất, chạy ra một đường bán kính bốn mươi lăm thước. Mặt đất, dưới tàn cổ thụ, mát lạnh lạ lùng. Thân cổ thụ cứng như đá, móng tay bám vào chỉ làm đau ngón tay. Tàn cổ thụ chuyên chở hàng vạn tổ chim, hàng trăm ngàn con chim lớn nhỏ. Buổi sáng khi mặt trời lên, tia nắng đầu, như một chiếc đĩa của một nhạc trưởng tài ba, làm phát động một bản hợp tấu vĩ đại của hàng vạn giọng chim. Bản hợp tấu hùng mạnh như sự bùng tỉnh của mặt trời sau đỉnh núi. Tất cả dân chúng của núi rừng đều đứng dậy, hoặc trên hai chân, hoặc trên bốn chân, kính cẩn và đôi khi ngơ ngác.

Trong một cái bọng cây lớn chỉ bằng trái bưởi Biên Hòa, nơi thân cổ thụ cao cách mặt đất đúng mười hai thước, có một chiếc trứng chim nhỏ màu nâu. Không biết con chim nào đã tới đặt chiếc trứng xinh đẹp kia vào bọng cây. Bọng cây không được lót bằng cọng rom hoặc tờ lá khô nào. Người ta có thể nghĩ là chiếc trứng kia không phải là từ một con chim sinh ra mà là do khí thiêng của rừng già và sức sống của cổ thụ un đúc kết thành. Ba mươi năm mà chiếc trứng vẫn nằm y nguyên, không nở. Có những đêm, loài chim thức giấc thấy mây che trên bọng cây và từ bọng cây có ánh sáng chiếu ra làm rạng rỡ cả một góc rừng. Vào một đêm trăng tròn tháng tư, chiếc trứng nở và một con chim lạ ra đời. Con chim nhỏ xíu, kêu chiêm chiêm trong đêm lạnh. Trăng rất sáng. Sao rất sáng. Chim nhỏ kêu suốt đêm; tiếng kêu không bi thương, không hờn oán; tiếng kêu như sự diễn tả bàng hoàng, lạ lùng. Con chim nhỏ kêu như thế cho đến khi mặt trời mọc, tia nắng đầu làm trỗi dậy bản hợp tấu của hàng vạn giọng chim. Từ lúc đó con chim nhỏ không còn kêu nữa.

Nó lớn rất mau. Những hạt giẻ, những hạt đậu do những con chim mẹ đem tới bọng cây không thiếu.

Chiếc bông cây bây giờ trở thành nhỏ bé quá, con chim phải tìm một cái bông lớn gấp mười lần để ở. Nó đã biết bay, biết đi tìm mồi và đã mang về những cọng rom lót ổ. Lạ thay, ngày xưa trứng màu nâu, nhưng chim giờ đây toàn thân màu trắng tuyết. Lúc chim bay, hai cánh xò rộng đập rất khoan thai. Hai chân nép hẳn về phía sau. Chim bay rất mau và rất im lặng. Chim thường bay tới những vùng rất xa, nơi có những thác nước trắng xóa rơi ào ào ngày đêm, hùng vĩ như hơi thở của đất trời.

Có những lần chim đi năm bảy ngày không về. Khi về, chim nằm yên, có khi cả ngày cả đêm, không bay ra khỏi tổ. Chim không hót. Chim trầm lặng ít nói. Hai mắt của chim sáng thật sáng nhưng không bao giờ hết vẻ bỡ ngỡ lúc ban đầu.

Nơi rừng già Đại Lão có một chiếc am dựng cheo leo bên triền đồi. Có một đạo sĩ tu ở đó gần năm mươi năm. Chim thường bay ngang rừng Đại Lão, và thỉnh thoảng thấy đạo sĩ đi chậm chạp trên một đường mòn xuống suối, tay cầm chiếc tịnh bình. Có một hôm nọ, khói lam nhẹ vương trên mái thảo am, không khí khu đồi trông ra ấm áp. Chim thấy hai đạo sĩ cùng đi với nhau trên con đường mòn dẫn từ suối lên đến thảo am. Hai người vừa đi vừa nói chuyện. Đêm hôm ấy, chim ở lại rừng Đại Lão. Chim ẩn trên một lùm cây. Chim không ngủ. Suốt đêm chim nhìn ánh lửa phát ra từ chiếc thảo am. Hai đạo sĩ đã đốt lửa nói chuyện suốt đêm.

Chim bay cao. Thật cao trên khu rừng già. Đã mấy hôm nay rồi, chim bay liệng trên trời cao, không đáp xuống. Dưới kia là cổ thụ già trong khu rừng già, dưới kia là dân chúng của núi rừng ẩn náu trong lau lách, bụi cây, tàn lá. Từ hôm chim nghe được câu chuyện giữa hai người đạo sĩ, chim thấy niềm bỡ ngỡ của chim càng ngày càng to lớn. Chim từ đâu tới và chim sẽ đi về đâu? Cổ thụ kia còn sống được mấy nghìn năm? Đàn con cháu của hàng vạn giống chim mà cổ thụ chuyên chở trên mình còn ca hát tới ngày nào? Chim đã nghe hai đạo sĩ nói tới thời gian. Thời gian là gì? Thời gian tại sao có thể đem ta lại và chắc chắn sẽ mang ta đi? Một hạt giẻ mà chim ăn có tính cách ngọt bùi của nó. Thời gian là gì? Tính cách của thời gian ra sao? Chim ước ao

mở đem về tổ một mảnh nhỏ thời gian, và nằm yên trong tổ mấy ngày để nghiên cứu xem đó là chất gì. Dù có phải để hàng tháng hàng năm mà nghiên cứu, chim cũng vui lòng. Nhưng làm thế nào để tìm ra thời gian để mà lấy được một mảnh nhỏ đem về?

Chim bay cao, bay thật cao trên khu rừng già, không đáp xuống. Chim như một chiếc bong bóng căng tròn bay giữa hư không. Chim thấy bản thể mình trống không như chiếc bong bóng. Cái trống rỗng của bản thể chim chính là nền tảng hiện hữu của chim. Nhưng đồng thời cũng là niềm đau của chim. Thời gian ơi, nếu ta tìm được người, chắc hẳn ta sẽ tìm thấy chính ta, chim suy nghĩ.

Mười mấy ngày đêm rồi, chim nằm yên trong tổ. Chim đã mang về một viên đất nhỏ rừng Đại Lão. Chim nằm chiêm nghiệm. Chim mở viên đất xem xét. Đạo sĩ rừng Đại Lão đã nói với bạn: Thời gian nằm ở nhận thức. Nhận thức và đối tượng nhận thức là một. Mỗi lá cây, mỗi ngọn cỏ, mỗi viên đất kia đều mang tính cách nhận thức, đều mang theo thời gian.

Chim vẫn chưa tìm được thời gian. Mẩu đất nhỏ mang về từ rừng Đại Lão đã không chịu nói năng gì. Vị đạo sĩ không lẽ đã nói gạt bạn. Thời gian nằm ở nhận thức. Nhưng nhận thức nằm ở đâu? Chim nhớ tới những thác nước ào ào tuôn chảy bất tuyệt ở khu rừng phía tây bắc. Chim nhớ đến những ngày chim lắng nghe tiếng thác nước từ sớm đến chiều; chim đã ào ào theo thác nước, chim đã tuôn chảy theo thác nước, chim đã đùa giỡn với ánh nắng trên thác nước, chim đã nhủ thác nước vuốt ve những tảng đá trên dòng suối. Những lúc ấy chim tưởng chim là thác nước, và tiếng ào ào tuôn chảy bất tuyệt kia là chính từ chim phát ra.

Một buổi trưa bay ngang qua rừng Đại Lão, chim không thấy thảo am. Trọn khu rừng đã cháy rụi, thảo am của đạo sĩ chỉ còn là một đống tro nhỏ. Chim hốt hoảng bay quanh tìm kiếm. Đạo sĩ không còn có mặt tại khu rừng. Đạo sĩ đã đi đâu? Rừng cháy, xác thú, xác chim. Lửa đã đốt cháy đạo sĩ rồi chăng? Đạo sĩ đã đi về đâu? Chim ngỡ ngàng. Thời gian ơi, người là ai? Sao người đem ta tới rồi người lại sẽ

đem ta đi? Người ở đâu, đạo sĩ giờ này ở đâu? Đạo sĩ đã nói: thời gian nằm ở nhận thức. Vậy có lẽ giờ này thời gian đã đưa đạo sĩ về nhận thức. Nhưng nhận thức, nhận thức, ta biết đâu mà tìm nó bây giờ? Bỗng dưng chim thấy nóng ruột. Chim bay thật nhanh về khu rừng già. Tiếng kêu rú, tiếng gào thét của một loại chim khổng lồ. Tiếng nổ. Khu rừng già, từ phía xa, đang bốc cháy. Mau hơn, mau hơn nữa, chim bay. Lửa cháy rực trời. Lửa cháy lan gần tới cổ thụ. Hàng trăm vạn giọng chim hốt hoảng kêu la ríu rít. Tiếng nổ vẫn tiếp tục. Cây cổ thụ bén lửa. Chim lấy cánh đập lửa, mong cho lửa tắt, nhưng lửa không tắt. Lửa càng cháy bùng. Chim liệng ra bờ suối nhúng ướt hai cánh, trở về rải nước xuống khu rừng. Những tiếng xèo xèo. Không đủ, không đủ. Nước thấm ướt hai cánh chim không đủ dập tắt lửa. Chim lại liệng ra bờ suối tắm ướt hai cánh, tắm ướt đầu, ướt mình, ướt đuôi. Chim liệng trở vào khu rừng cháy. Những giọt nước bắn vào lửa nghe xèo xèo. Không đủ, không đủ. Nước thấm ướt mình chim không đủ dập tắt lửa. Tiếng kêu khóc của hàng trăm ngàn vạn giọng chim, và tiếng kêu khóc của những con chim non chưa đủ lông cánh. Lửa bắt cháy cổ thụ. Lửa kêu răng rắc. Lửa tấp vào thân cây. Sao không có một trận mưa? Sao thác nước tuôn chảy bất tuyệt kia ở khu rừng tây bắc không tràn vào khu rừng đang bốc cháy? Đột nhiên chim thấy mình là thác nước. Chim bỗng phát ra tiếng kêu lạnh lạnh. Tiếng kêu trầm thống, bi thương đột nhiên biến thành tiếng ào ào của thác nước. Chim bỗng thấy hiện hữu mình tràn đầy. Nỗi cô đơn và trống rỗng tan biến như ảo tượng. Hình dáng của vị đạo sĩ. Hình dáng của mặt trời sau đỉnh núi. Hình dáng của thác nước tuôn chảy ào ào bất tuyệt từ ngàn đời. Tiếng kêu cứu của chim giờ đây là tiếng thác đổ ầm ầm. Không còn ngần ngại gì nữa chim liệng mình vào khu rừng lửa như một thác nước vĩ đại. Tiếng sấm đổ. Mưa trút xuống khu rừng. Mưa trút xuống như thác đổ.

Một buổi sáng mai hồng. Có tia nắng màu nhiệm của mặt trời, nhưng không có bản hợp tấu buổi sáng của ngàn vạn giọng chim. Khu rừng cháy loạn lổ. Cổ thụ già còn đứng vững đó nhưng cành lá đã xém cháy hơn một nửa, xác chim lớn, xác chim nhỏ. Rừng buổi sáng im lìm, im lìm.

Những con chim còn sống gọi nhau, giọng chim còn ngỡ ngác. Chúng không biết do duyên cớ nào trời đang nắng bỗng nhiên mưa trút xuống làm tắt ngọn lửa cháy rừng chiều qua. Chúng có chứng kiến cảnh con chim rảy nước từ hai cánh để dập tắt lửa. Chúng biết đó là con chim trắng của cổ thụ già. Chúng đã bay khắp khu rừng cháy tìm xác con chim trắng; nhưng không tìm thấy. Có thể chim đã bay đi sống ở một khu rừng khác. Có con nghĩ rằng chim đã chết cháy ở một ngọn cây nào. Cổ thụ thương tích đầy mình, không nói năng một lời. Những con chim còn sống ngheh mặt nhìn trời và bắt đầu xây lại những chiếc tổ khác trên thân hình đầy thương tích của cổ thụ. Có ai nghĩ rằng cổ thụ đang thương tiếc đứa con do khí thiêng núi rừng và sức sống ngàn năm của chính mình un đúc? Chim ơi, chim đã về đâu? Theo lời đạo sĩ, ta tin rằng thời gian đã đưa chim về bản nguyên nhận thức.

Câu Chuyện Người Con Trai Khờ Dại

Nhà nàng ở trên mái đồi, đằng trước có một cây tùng, quanh năm xanh tốt. Nàng chỉ còn có một mẹ già. Nhà tranh vách đất, hai mẹ con sống một cuộc đời không mấy sung túc. Mẹ nàng đã già yếu lắm. Vào những chiều máy mẻ, bà đi nhặt củi hoặc đi hái một vài thứ rau, thứ lá về để nàng nấu thành một thứ canh tập tàng. Bà chỉ có thể làm bấy nhiêu công việc. Còn nàng thì thức khuya dậy sớm, cuốc xới mảnh vườn. Ba ngày một lần, nàng đem rau trái xuống chợ đổi lấy gạo và thức ăn.

Khắp làng không ai không nghe tiếng nàng hiền thực, hiếu thuận, siêng năng, dịu dàng, thuần cần. Nàng là một người con gái đức hạnh hoàn toàn. Nhưng tiền nghiệp đã bắt nàng có một đôi mắt mờ đục [2] và điều đó đã làm cho nàng đau khổ. Nếu đôi mắt của nàng trong và đẹp, nàng sẽ là cô gái xinh đẹp nhất làng. Tóc nàng xanh tốt và chảy xuống trên đôi vai tròn. Màu trắng hồng của da mặt nàng là màu của trái hồng đào mùa hạ. Và miệng nàng nở hoa khi nàng nói. Nhưng mắt nàng... ôi cặp mắt tai ác! Mỗi khi nhìn vào gương, nàng không thể không buồn cho số phận mình. Các chàng trai trong xóm không buồn để ý đến nàng. Nàng thấy họ chỉ đeo đuổi những cô gái có đôi mắt trong. Ôi! Những người có đôi mắt trong! Họ là những người có hạnh phúc hoàn toàn. Nàng thấy số phận mình hẩm hiu, và nàng khóc.

Nhưng vào một buổi sáng mùa thu kia, có một chàng trai trẻ xuống ngựa ở chân đồi. Chàng buộc cương ngựa nơi gốc tùng già và thông thả tiến vào nhà nàng. Chàng có dáng dấp của một thư sinh, vầng trán cao, hai mắt sáng, có chiếc cằm vuông cương nghị và một nụ cười bất diệt trên môi. Nàng đặt rổ rau xuống nhìn lên và e thẹn. Nhưng chàng trai đã bình thản chào nàng, lễ phép và thân mật. Nàng đi ra nhà sau pha một ấm trà và đem ra mời chàng uống. Chàng nói chàng từ phương xa lại vì chàng đã nghe nói chuyện về nàng. Giọng chàng trong ấm, thân mật và giản dị. Với cái nhìn bao dung của một chàng trai trẻ, nàng sung sướng ngồi nghe ngoan ngoãn như đứa trẻ thơ

ngồi nghe anh kể chuyện. Nàng không còn e lệ. Nàng cảm thấy mến chàng. Hình như giữa hai người có những dây liên hệ ở tiền kiếp.

Chàng mở khăn gói và nàng thấy một chồng sách chữ nho cũ kĩ, có cuốn đã bị mọt ăn. Chàng lấy ra một cuốn mỏng và trao cho nàng:

- Đây là cuốn sách quý sẽ làm cô sung sướng. Chỉ có những con người như cô mới được cầm những cuốn sách thần như cuốn sách này.

Rồi chàng cẩn thận căn dặn nàng phương pháp dùng sách. Chàng dặn tối nay trước khi đi ngủ nàng phải thắp đèn đọc sách và mỗi khi lật trang hãy nghĩ đến chàng. Nếu có gì xuất hiện trên sách, nàng hãy giữ lấy để dưới gối nàng và đi ngủ. Mắt nàng rồi sẽ trong và nàng sẽ đẹp.

Nàng sẽ đẹp! Mắt nàng sẽ trong! Ôi! Sao mà dễ dàng quá thế!! Nhưng nàng không nghi ngờ bởi vì nhìn vào mặt người trai trẻ, nàng biết ngay rằng chàng không nói dối. Dặn dò xong chàng vội vàng đứng dậy và cáo biệt:

- Để có dịp nào thuận tiện tôi sẽ lại đến thăm cô. Tôi sẽ sung sướng khi nhìn thấy cô sung sướng.

Và chàng đi. Nàng ngẩn ngơ, muốn giữ chàng ở lại trong chốc lát nhưng nàng không nói nên lời. Cuộc gặp gỡ chỉ trong giây lát. Nhưng sao nàng thấy yêu mến chàng trai trẻ lạ thường. Nàng biết rõ rằng người yêu mến đang khai mở trong lòng nàng hết sức trong sạch, đó không phải là một thứ tình cảm e thẹn của một người con gái đứng trước một người con trai mơ ước. Không, đó là một thứ tình tự nhiên hơn thẳng thắn hơn, và cũng dịu ngọt hơn.

Thuở bé nàng cũng được theo đòi bút nghiên đôi chút nên nàng có cảm tình ngay với giấy mực. Tối hôm ấy, nàng đốt đèn đọc cuốn sách cũ kỹ kia với một tâm trạng an lành. Mở ngay trang đầu ra là nàng đã nhớ tới chàng, sách chứa đựng những điều giản dị mà thấm thiết vô cùng. Lời sách có lẽ là để nói riêng với nàng. Đặc biệt cho tâm sự nàng. Và mỗi lần lật trang, nhớ người trai trẻ, nàng như cảm động đến gần rơi nước mắt.

Khi đọc đến gần nửa quyển, nàng ngạc nhiên thấy chữ trong trang hình như chuyển động. Hai chữ cuối như phát ra ánh sáng, và trong chốc lát hai viên minh châu xuất hiện trên đó, long lanh như hai giọt sương dưới nắng bình minh. Nàng cầm hai viên ngọc lên và biết ngay đó là một thứ ngọc vô ngần quý giá.

Nàng vội vàng gấp sách theo lời dặn trước. Đặt hai viên ngọc dưới gối và tính cần buồng màn an giấc.

Bao nhiêu hình ảnh diễn tiếp trong giấc mơ màng. Sáng ấy, nàng thức dậy khi chim bắt đầu riu rít. Nàng lật gối nhìn, hai viên minh châu không còn nữa. Nàng hơi nghi hoặc, tưởng tất cả những gì đã xảy ra đêm hôm qua chỉ là một giấc mộng. Nhưng không cuốn sách cũ còn kia, trên án thờ tổ tiên. Nàng nhìn đăm chiêu cuốn sách cho đến khi nghe tiếng mẹ dịu dàng nhắc nàng đã đến lúc sửa soạn rau tươi đi bán.

Nàng vâng lời mẹ, xếp cải, rau và hoa thành một gánh, nàng mặc chiếc áo nâu thường lệ, chào mẹ rồi xuống đồi. Hôm ấy, gánh rau cải bán rất chóng và nàng ngạc nhiên nhận thấy rằng mọi người trong khi mua rau mà nhìn nàng chăm chăm. Chắc hẳn nàng đã để một vết nhỏ trên mặt, nàng nghĩ thế và luôn đưa vạt áo lên lau mặt khi vắng bóng người. Nàng không đem theo chiếc gương con nên nàng không biết vết nhỏ kia ở nơi nào mà chùi cho sạch.

Về đến nhà nàng vui vẻ cất quang gánh và vội vàng đi tìm cái gương nhỏ. Nàng kinh ngạc làm sao khi thấy trong gương đôi mắt mình đã thay đổi hoàn toàn. Mắt nàng không đục lò như trước mà trái lại, trong trẻo lạ thường. Tròng đen lay láy nổi bật trên nền trắng không tỳ vết. Mắt nàng giờ đây đã đẹp, đã sáng, đã vô cùng linh hoạt. Mắt nàng đã phản chiếu được tâm hồn nàng. Mắt nàng là cửa sổ để mọi người nhìn vào tâm hồn trong sáng và đức hạnh của nàng. Nhớ đến người trai trẻ, nàng chìm đắm trong hân hoan không bờ bến, nàng lại gục xuống khóc, sung sướng và thốn thức trong tay mẹ nàng. Nhưng có hề chi những giọt nước mắt kia chỉ làm cho mắt nàng thêm nhuần, linh hoạt và kỳ ảo thêm lên.

Bắt đầu từ hôm ấy, cuộc đời nàng trở nên tươi đẹp hơn bội phần. Nàng trở nên tươi đẹp hơn bội phần. Người trong thôn xóm ca tụng nàng. Các chàng trai trẻ bắt đầu để ý tới nàng. Rau và hoa của nàng bán mau hết nhất chợ. Các chàng trai trong thôn xóm luôn luôn tìm cách gánh củi, gánh nước hộ nàng khi họ tìm được dịp giúp đỡ nàng. Nàng cảm ơn họ và trong những buổi tối sáng trăng, nàng cất giọng hát cho bọn trai làng tụ tập dưới hiên nhà nàng để nghe. Từ trước ít ai được nghe nàng hát như vậy và mọi người kinh ngạc nhận thấy rằng tiếng hát của nàng làm đắm chìm tất cả mọi người trong thế giới kỳ diệu của âm thanh, của tình cảm. Nàng hát hay quá. Chẳng bao lâu, tài sắc của nàng vang dội khắp nơi khắp xóm. Ngựa xe tấp nập lui tới nhà. Có những chàng công tử đến làm quen và tặng nàng toàn những ngọc ngà châu báu. Có những bậc vương tôn đến thăm nàng và xây tại chỗ cho nàng một lầu đài diễm lệ. Có những hoàng tử tới viếng nhà nàng và truyền xây quanh nhà nàng một bức tường bằng những thỏi vàng thỏi bạc. Có những nhà vua trẻ tuổi đến trò chuyện với nàng và khi ra về đã trồng tặng nơi vườn nàng những cành cây bằng vàng, lá bằng ngọc. Nàng giàu có và sung sướng tuyệt vời.

Nhưng bắt đầu từ thời gian ấy, tính tình nàng biến đổi, nàng ít tiếp xúc với xóm giềng. Nàng thờ ơ với những chàng trai thôn làng hiền lành và chất phác. Nàng nhìn họ lạnh nhạt như trước kia họ đã nhìn nàng. Một ít tự hào nảy sinh nơi mắt nàng, và trong tâm niệm nàng, một ý thức rằng nàng đẹp và rất hài lòng khi thấy mình đẹp.

Một hôm từ phương xa, chàng trai trở về, mang theo ít nhiều cát bụi. Chàng buộc ngựa trước cây tùng, ngược mắt nhìn tòa lầu đài xinh đẹp với bức tường vàng bạc vây quanh. Chàng mỉm cười và thông thả bước vào tự nhiên như bước vào nhà người thân. Nàng đang tiếp chuyện với hai bậc vương tôn công tử và đang sung sướng tự hào nghe họ ca tụng tài sắc của nàng. Nàng hát. Nhưng khi thấy chàng bước vào, nàng ngưng lại. Đối diện với chàng, đối diện với nụ cười trầm tĩnh và bao dung của chàng, nàng cảm thấy mất hết tự hào. Nàng ngượng ngịu. Nàng thấy như mình muốn khóc. Hai viên minh châu từ mắt nàng xuất hiện rơi xuống và biến mất trong lòng đất. Hai

vị công tử thấy đôi mắt nàng tự nhiên trở thành đục lò xấu xí, cho là phù thủy rồi họ ghê sợ ra về.

Chàng đứng nhìn nàng thương hại. Chàng an ủi nàng và nói cho nàng biết chàng có thể giúp nàng lấy lại cặp mắt đẹp trong như xưa. Nàng cho hay rằng sự có mặt của chàng đã làm nàng ngượng ngịu mất hết tự hào, và cho đó là nguyên nhân cho sự phục hồi của đôi mắt xấu. Chàng dịu dàng hứa là tuy chàng thương yêu nàng, chàng cũng sẽ không bao giờ trở lại thăm nàng lần nữa. Bởi vì hề thấy mặt chàng là y như phép lạ không còn linh nghiệm. Đứng trước con người đã từng ban sắc đẹp cho mình, nàng không cò giữ được tự hào giống như khi mặt trăng tròn trĩnh đã lên thì ngàn sao chung quanh không còn chiếu sáng. Chàng dặn nàng hãy đọc lại cuốn sách, và nếu hai viên minh châu xuất hiện thì nàng hãy nhặt lấy và đặt dưới gối nàng như trước. Xong chàng bảo nàng đưa chàng đi thăm vườn tược nhà cửa và tỏ ý mừng cho nàng có được nếp sống sung túc an nhàn. Và chàng nhìn nàng rất lâu trước khi từ biệt. Tuy tâm hồn biến đổi nhiều nhưng người con gái vẫn thấy rung động sung sướng trước cái nhìn êm ái, cao cả và bao dung của chàng trai trẻ.

Chàng lên ngựa từ biệt ngay chiều hôm đó. Nàng đóng chặt cửa phòng không cho ai gặp mặt và nóng ruột đợi bóng tối trở về. Nàng đọc lại cuốn sách cũ và phép lành hiển hiện lần thứ hai. Mắt nàng trở nên trong như nước hồ thu làm chìm đắm biết bao chàng trai si dại.

Tuy nhiên, một hôm nọ, phép lành tự nhiên hết linh nghiệm. Đó là vào khoảng đầu giờ Ngọ, lúc nàng đang chủ tọa một buổi tiệc tại hoàng cung. Trong buổi tiệc đó có mặt nhiều vương tôn và công tử. Hai viên minh châu rơi xuống, không hiểu vì sao và lại biến vào lòng đất. Mắt nàng xấu lại. Mọi người cho nàng là phù thủy bỏ tiệc ra về, để lại cho nàng một niềm đau khổ không bến bờ. Nàng thất thểu ra khỏi hoàng cung, không ngựa không xe, lang thang đi mãi cho đến chiều tối và cuối cùng lạc vào một làng nhỏ hẻo lánh miền núi rừng. Nàng gõ cửa một căn nhà sàn mộc mạc và kinh ngạc nhận thấy người ra mở cửa lại chính là chàng trai trẻ ngày xưa. Nàng òa lên khóc. Chàng hỏi lý do. Nàng kể lại mọi việc và rất thắc mắc không hiểu vì

sao sự tình lại xảy ra như vậy. Chàng lắng nghe và chợt hiểu thì ra người ta đã quá hâm mộ nàng và đã họa hình nàng treo trên các nẻo đường để chào mừng nàng. Và đúng vào giờ ngộ, chàng đã vô tình trông thấy hình nàng treo nơi cổng một dinh thự to lớn ở địa phương. Có lẽ vì vậy mà phép màu không còn linh ứng và đôi mắt nàng trở lại xấu xí như xưa. Chàng hứa là chàng sẽ đi xa, đi thật xa để không còn thấy hình nàng trên các nẻo đường đất nước, và như thế là để bảo vệ hạnh phúc cho nàng. Chàng nói với nàng là chàng có thể làm bất cứ điều gì miễn là để cho nàng sung sướng. Và chàng đưa nàng về tận nhà, dặn nàng làm lại phép xưa. Rồi từ biệt.

Nàng đóng cửa phòng và suy nghĩ lo lắng rằng không biết chàng có giữ lời hứa chẳng? Nếu lỡ ra chàng nhìn thấy nàng lần nữa thì uy tính nàng hoàn toàn bị tiêu tan, thiên hạ sẽ di nghị cho nàng là phù thủy gạt đời như thế mọi người sẽ không còn một ai tin tưởng được nàng. Người nữ tỳ thấy nàng buồn lo lắng hỏi thăm. Trong lúc đau khổ nàng đã thối lộ hết tâm sự của mình. Người nữ tỳ nghe vậy bèn tìm cách ám hại chàng để dứt trừ hậu hoạn. Nàng hoảng sợ nên ngần ngừ không dám. Người nữ tỳ nói mãi cuối cùng nàng phải xiêu lòng. Khi nào còn có sự hiện hữu của chàng bên cạnh nàng thì hạnh phúc của nàng bị đe dọa. Cuối cùng nàng muốn diệt trừ chàng. Nàng bàn mưu kế với nữ tỳ suốt một đêm và rồi cuộc người nữ tỳ quái ác vì muốn làm vừa lòng chủ nên sáng hôm sau đã tìm đến tận nhà chàng và bằng kế tặng thực phẩm để đầu độc được chàng .

Chàng đã chết khi chưa kịp đi xa như đã hứa với nàng. Đến lúc ấy nàng cảm thấy tạm yên tâm trong tòa lâu đài diễm lệ. Như một thời gian sau đó dù đôi mắt có đẹp, dù được mọi người theo đuổi ca tụng, nàng vẫn cảm thấy có một cái gì đè nặng trong tâm hồn. Nàng không còn an tâm nữa. Một ngày kia nàng bỏ lâu đài tìm đến nhà chàng. Ngôi nhà sàn vẫn còn đó bên khóm rừng thưa. Chàng đã chết và chỉ có người lão bộc của chàng ra tiếp nàng. Người lão bộc có thấy nàng một lần rồi và đã hiểu qua những sự tình nên bảo đưa nàng thăm mộ chàng bên dòng suối xanh và khi trở về nhà đã dọn cơm mời nàng. Nàng hỏi thăm về chàng đã cho biết rằng hai viên ngọc là công trình

của bao nhiêu năm tinh luyện, là kết tinh của tất cả anh hoa và thể phách chàng .

Chàng từng nói với lão rằng nếu có thể làm cho nàng sung sướng thì chàng không bao giờ tiếc rẻ một thứ gì dù là bản thân chàng. Người lão bọc lại nói rằng khi chàng gần chết, chàng đã biết rõ tại sao chàng chết và chàng có nói là nếu còn viên ngọc quý nữa chàng cũng sẽ cho nàng. Cô gái khóc sụt mướt vì nhận thức sự tàn ác xấu xa của nàng. Để an ủi nàng, lão cho nàng nhìn lại hình chàng do chính tay lão vẽ.... Lần này khi nàng nhìn thấy hình chàng thì phép màu lại mất linh ứng và hai mắt minh châu lại trở về lòng đất.

Nàng đau khổ điên cuồng cầm đầu chạy miết về tòa lâu đài. Nàng nguyện rửa tất cả những gì nàng trông thấy. Khi gặp người nữ tỳ, nàng lại khóc to hơn. Khóc vì chàng một phần nhưng cũng khóc vì phép màu lần này lại bị tan rã. Người nữ tỳ nói với nàng từ đây phép màu sẽ không còn linh nghiệm nữa, vì hai viên minh châu kia, là tinh anh của chàng, đã vĩnh viễn trở về với chàng dưới lòng đất. “Nhất định chàng sẽ oán giận, cô ơi. Em tin rằng phép màu của chàng trao cho sẽ không còn được hiển hiện lần này”. Nàng nấc lên thốn thức. Dù sao người con gái vẫn tiếc cuộc sống hiện hữu của mình. Nàng vẫn khóc cho nàng trước đã.

Tuy nhiên trước khi đi ngủ, nàng vẫn thử thực hành phép cũ. Nàng đọc sách lần này mãi tới trang cuối mà nàng vẫn chưa thấy hai viên minh châu xuất hiện. Nàng bắt đầu tin lời của người nữ tỳ. Nước mắt nàng thấm lặng chảy. Nhưng khi đọc đến hai chữ cuối cùng nàng ngạc nhiên thấy hai viên minh châu lại xuất hiện lóng lánh trên lòng trang sách. Nàng cầm lấy hai viên ngọc mà lòng nửa buồn đau nửa sung sướng. “Chàng ơi, lòng em thì đơn độc mà tình chàng thì không bến bờ”.

Thì ra chàng trai trẻ nằm yên trong lòng đất vẫn mỉm cười không chịu thu về hai viên minh châu đã tặng cho nàng .

Phương Bối 1961

[2]. Đôi mắt đục và xấu, là đôi mắt của tật đố và tỵ hiềm để cho đôi mắt ấy đừng xấu chỉ có một cách là hoặc trốn vào rừng mà ở hoặc đi biệt xứ.

Ảo Tượng

Sáng nào cũng vậy, tôi dậy trước anh Hưng nửa giờ đủ để rửa mặt, chải đầu, trang điểm và lo điểm tâm cho hai anh em và cháu Yên Chi. Anh Hưng sáng nào cũng đi sớm vì anh phải có mặt tại nhà báo trước tám giờ. Cháu Yên Chi thì mãi đến chín giờ, xe của trường mẫu giáo mới lại đón. Cháu ăn trưa tại trường và bốn giờ rưỡi chiều thì xe trả cháu lại trước ngõ. Anh Hưng thì có khi không về ăn cơm trưa bởi vì anh bận công việc sở. Những hôm như thế buồn làm sao. Mỗi khi anh gọi điện thoại về cho biết anh phải ăn cơm trưa tại chỗ làm việc tôi cũng chẳng buồn nấu nướng gì nữa. Nấu cho ai ăn. Cháu Yên Chi chẳng ăn cơm trưa tại nhà, trừ thứ năm và chủ nhật. Một mình đi nấu cơm, dọn ra bàn, tôi ngồi ăn, nuốt không trôi. Tôi dạy ở nữ trung học Giáo Tiên có tám giờ một tuần nên chẳng có gì gọi là bận bịu. Anh Hưng anh ấy chỉ cho tôi dạy từng ấy giờ, vì anh lo cho sức khỏe của tôi. Nhưng anh chẳng biết rằng tôi cũng mạnh khỏe như mọi người. Anh bảo: Em chẳng cần làm lụng nhiều. Ở nhà coi sóc nhà cửa, lo lắng cho cháu Yên Chi. Chừng nào chúng mình thực hiện được ước vọng có một nhà xuất bản riêng, anh sẽ cho em cộng tác và em sẽ làm quản lý. Có tiền nhiều ta sẽ làm được nhiều việc. Có những hôm anh đem từng đồng việc về nhà, và thức suốt đêm trên chõng bàn thảo. Những lúc ấy tôi chẳng có khuyên anh đi nghỉ được đâu; thượng sách là chen vào và giúp anh đọc chữa các bản thảo ấy cho mau xong để anh có chút ít thì giờ đi ngủ. Mẹ chúng tôi mất từ bảy năm và mới năm ngoái ba chúng tôi lại đã qua đời. Chúng tôi không chịu nổi cảm giác thiếu thốn trống trải nên chúng tôi phải dời nhà về đây, một ngôi nhà có vườn cây, có điện nước, khá thanh tịnh, ở miền Gia Định. Tuy có hơi xa chỗ làm việc nhưng anh Hưng đã có xe. Còn tôi thì tôi có thể đi bộ đến trường; trường không xa lắm.

Nếu có hơi trễ, thì tôi đến trường bằng xích lô đạp, bốn đồng. Cháu Yên Chi là con gái của Thúy, bạn học ngày xưa của tôi. Thúy đã qua đời rồi, từ khi Yên Chi còn bốn tuổi. Tôi nuôi Yên Chi từ lúc ấy, đến nay Chi đã lên sáu. Ba của Chi ở ngoài Bắc không biết có còn sống hay

không. Yên Chi thông minh; cháu thương tôi và gọi tôi bằng Me. Mấy hôm nay cháu được gửi đi Cấp nghỉ mát với gia đình chị Ánh.

Sáng nay khi anh tôi đi làm rồi, tôi dọn dẹp nhà cửa cẩn thận hơn mọi hôm. Tôi không có giờ dạy. Tôi lau sàn nhà, sửa soạn lại tủ và kệ sách của anh Hưng, thay mấy chiếc màn để gửi thợ giặt, và làm những việc vặt khác. Xong xuôi tôi dẹp chén bát để rửa. Vặn nước cho chảy vào chiếc chậu tráng men dùng để rửa chén bát, tôi tinh nghịch đùa với những chiếc bọt xà phòng trong chậu. Bỗng tôi nhớ ra rằng tôi đã hứa với anh Hưng trong lúc chúng tôi đang ăn điểm tâm hồi sáng là trưa nay tôi sẽ nấu cho anh một bữa bún Huế. Đã chín giờ rồi, tôi phải sửa soạn trước cho kịp. Có lẽ tôi phải chuẩn bị những đồ gia vị sẵn sàng trước để làm nước súp và sau đó sẽ đi qua chợ mua bún sau. Tôi khóa nước lại, bước đến đầu tủ. Cái tủ đựng thức ăn của chúng tôi xưa quá, tầng cao nhất tôi không với tới dễ dàng. Mà hộp cà phê mát cũng như những thứ ít dùng, tôi lại để lên tầng ấy. Tôi nhón gót, đưa tay sờ soạng và đụng nhầm hộp cà. Tôi với tới tí nữa, cố chụp lấy nó. Nhưng tôi mất thăng bằng và buông rơi nó. Hộp cà rơi xuống và trúng giữa đỉnh đầu tôi. Đau quá, tôi ngã xuống sàn ván. Trời ơi đầu tôi choáng váng và mắt tôi thấy hoa đốm giữa không trung.

Tôi lồm cồm bò dậy, tay vịn vào góc bàn để đứng lên. Tay trái tôi sờ đầu. Không chảy máu. Cũng may, nếu anh Hưng ở nhà thế nào cũng mắng tôi tại sao không cẩn thận. Anh em chúng tôi thương nhau lắm, thế nhưng tôi vẫn cứ sợ anh mắng như hồi anh đọc cho tôi viết chính tả, hồi chúng tôi còn nhỏ. Soạn xong các thứ gia vị và chắc không còn thiếu gì, tôi mới trở lại chậu sành để rửa chén bát. Bỗng tôi nghe tiếng gọi ngoài sân “Me! Me! ra xem me. Con làm được một chiếc bánh xe.” Cháu Yên Chi đang đứng ngoài sân đưa tay vẫy tôi, chiếc áo màu đỏ tung bay trước gió.

Tôi nói: “Ôi, con giỏi lắm.”

“Con đem qua cho Suzanne coi me nhé?” Suzanne là bạn học của Yên Chi ở nhà bên cạnh.

“Được. Nhưng đừng đi đâu ngoài nhà Suzanne con nhé. Và nhớ về trước giờ ăn cơm nghe con.” Tôi dặn theo cháu như thế và nhìn theo cháu tung tăng chạy qua nhà Suzanne. Rồi tôi trở lại rửa chén bát. Bỗng tôi có cảm tưởng rằng có một cái gì sai lầm mà tôi không nhớ ra được. Tôi lặng đi một lát, rồi hình ảnh chiếc áo màu đỏ của cháu Chi hiện ra trong óc tôi. Chiếc áo ấy, tôi định xuống một lai nữa cho dài hơn để cháu mặc vào mùa Thu tới. Cháu mau lớn quá, nhất là từ một năm nay. Nhưng làm lạ, chiếc áo ấy tôi để trên ngăn tủ cao, làm sao cháu tự lấy ra mà mặc được?

Rồi bỗng nhiên tôi nhớ rằng cháu Yên Chi đang nghỉ mát ở Vũng Tàu với gia đình chị Ánh. Vợ chồng chị Ánh đi Vũng Tàu đã xin đem cháu Yên Chi đi theo. Vậy nên Yên Chi không thể có mặt ở đây. Tôi đã trông lầm.

Hoảng kinh, như bị một lưỡi dao cắm sâu vào người, tôi chạy tới máy điện thoại gọi về khách sạn Long Khánh Vũng Tàu. May quá, chị Ánh đang ở nhà. Khi nghe tiếng của chị trả lời trong máy tôi biết Yên Chi vẫn bình an không có chuyện gì. “Chị Ánh, cháu có ngoan không? Em sợ cháu quấy rầy anh chị quá.” Tôi cố gắng lấy giọng bình tĩnh.

“Không, không! Cháu ngoan lắm. Cháu vừa tắm nước ngọt với tôi xong. Chúng tôi mới vừa ở bãi trước về. Cháu đang đứng bên cạnh tôi đây. Chị Hương, có chuyện gì không?” Giọng chị hơi lạ.

“Không, không có chuyện gì cả.” Em vẫn thường, tôi nói dối.

Khi tôi buông máy xuống, tôi tự nghĩ rằng có lẽ mọi việc đều do ở cái hộp cà chua giáng trên đầu tôi quá mạnh. Tôi trông lầm, cũng giống như nằm mơ, khi không được tỉnh táo hẳn. Rồi tôi trở lại rửa chén bát. Nhưng một cái đĩa vượt khỏi hai bàn tay tôi-nước xà phòng tron quá-và rơi xuống sàn vỡ làm ba mảnh. Đó là một chiếc đĩa cổ của bà ngoại để lại cho mẹ tôi và mẹ cho lại tôi, nó mang nhiều kỷ niệm quý giá giữa mẹ và tôi. Chiếc đĩa cổ Trung hoa ấy nghe nói quý lắm. Tiếc của quá, tôi cúi xuống nhặt ba mảnh vỡ, lau khô và cẩn thận để vào trong tủ chén bát. Có lẽ anh Hưng sẽ hàn nó lại được. Nhưng hôm nay là ngày gì mà tôi gặp nhiều rủi ro thế này? Có lẽ tôi nên đi nghỉ một lát

rồi trở lại công việc thì hay hơn. Ngay lúc đó, tôi nghe tiếng gõ cửa và tiếng gọi: “Chị Hưng có nhà không?” Đó là tiếng chị Thuần.

Mỗi thứ năm, chị Thuần - chị bạn láng giềng cách nhà tôi chừng trăm thước thường qua tôi chơi, vì thứ năm nào tôi cũng có ở nhà. Anh ấy làm công chức. Chúng tôi không nói chuyện dằng dai suốt buổi như thiên hạ đâu; nhưng mười mười lăm phút ngồi uống với nhau một tách cà phê cũng thật là thích thú. Sau đó thì chị đi chợ và tôi lại nấu ăn. Chị sắp sửa làm Mẹ, và trông chị có vẻ lo lắng lắm. À, hay là tôi gọi chị mua bún giúp vậy. “Có em ở nhà đây, mời chị vào”. Tôi trả lời.

Trông thấy chị Thuần, không hiểu tại sao tôi biết ngay rằng chị sẽ sinh em bé vào ngày mồng sáu tháng bảy tới. Hai mẹ con được yên lành. Đứa bé sẽ là con trai. Thấy đáng lo sợ của chị, tôi nói:

- Chị Thuần, chị chẳng cần lo gì cả. Chị và em bé sẽ được bình yên.

Chị Thuần nhìn tôi với một vẻ ngạc nhiên: “Chị Hưng, em trông chị có vẻ lo lắng lắm hay sao thế chị?” Tôi gật đầu nhưng vẫn để ý đến những cảm giác kỳ lạ của tôi hơn là để ý đến câu hỏi của chị. Những điều tôi thấy về chị hiện rõ ra như phấn trắng viết trên bảng đen. Tôi nói: “Không, đó không phải em nói để trấn tĩnh chị. Em biết rõ là chị và em bé sẽ được hoàn toàn bình yên.” Tôi nói tiếp: “Để em nói hết chị nghe. Em bé sẽ là con trai và sinh đúng vào ngày mồng sáu tháng bảy sắp tới.”

Lúc đó, chị Thuần ngó tôi với đôi mắt ngạc nhiên đến cực điểm. “Trời ơi chị Hưng, chị điên hả? Chị có sao không chị?”

Tức thời tôi kể cho chị nghe đầu đuôi câu chuyện từ việc hộp cà tô mát rơi trên đầu tôi đến việc cái bánh xe của cháu Yên Chi, chiếc áo đỏ, và cuộc nói chuyện bằng điện thoại ra Cấp. Đầu đuôi như vậy đó chị, tôi kết luận. “Nhưng chưa hết đâu. Em đánh vỡ chiếc đĩa cổ của bà ngoại. Chị biết chiếc đĩa cổ ấy chứ? Nhưng đó không phải là một việc khó hiểu như mấy chuyện kia.”

“Uông quá nhỉ! Chiếc đĩa cổ quý như thế mà lại vỡ. Nhưng đầu sao em cũng mong rằng chị nói đúng về việc đưa con em. Em thì không để ý lắm đến việc con trai hay con gái nhưng nhà em thì lại thích con trai hơn. Còn về việc ngày mồng sáu tháng bảy thì thật là sớm hơn ngày dự tính đến ba tuần. Nhưng không sao, miễn mẹ tròn con vuông là tốt rồi.” Chị nhếch mép cười và tiếp: “Còn gì nữa không chị? Nói luôn đi, như tên của em bé chẳng hạn?”

Trong một giây, óc tôi lại loãng đi. Rồi lại như viết trên bảng đen, chữ Hùng hiện ra rõ rệt trong óc. Tôi sắp sửa mở miệng ra để nói nhưng tôi kìm lại kịp. Cũng may, nếu nói ra thì kỳ biết mấy. Chị ấy đã nói với tôi nhiều lần rằng nếu sinh con trai thì chị sẽ đặt tên là Hậu, cho có liên lạc với Thuần, tên của ba nó. Chữ Hùng có lẽ không bao giờ chị thích đâu. Tôi nói: “Thôi, chẳng tiếc lộ thiên cơ nữa đâu.”

Chị Thuần ngồi xuống bên tôi: “Sao không uống chén trà cho tỉnh người? Nhưng chị cứ ngồi đó cho khỏe. Em sẽ đi pha trà cho. Chúng mình đều có vẻ bất thường cả, nhưng dù sao em vẫn còn tỉnh táo hơn chị.” Chị súc chiếc ấm con, bỏ trà và pha nước sôi. Rồi chị lục soát lấy ra hai chiếc tách, hộp bánh bích-quy. Khi trở ra mặt chị có vẻ ngần ngại: “Hồi nãy chị nói chiếc đĩa cổ của bà ngoại như thế nào?”

- Em nói rằng em làm vỡ mất rồi, sáng nay.
- Có phải chiếc đĩa cổ có hai chữ nho xanh xanh ở hai bên phải không?
- Phải, gì thế chị?

Thay vì trả lời tôi, chị trở vào bếp, mở tủ chén bát rồi trở ra, lẳng lẳng cầm chiếc đĩa cổ của bà ngoại trong tay. Chiếc đĩa cổ đang còn nguyên vẹn.

Trống ngực tôi đánh thành thịch. Vô lý quá, tôi cầm lấy chiếc đĩa, nhìn kỹ để tìm đường nứt chứng tỏ rằng nó mới được gắn lại. Nhưng không, hoàn toàn không có đường nứt nào cả. Chiếc đĩa hoàn toàn nguyên vẹn. Sao lại có thể thế được? Mới năm mươi phút trước đây, tôi xếp vào tủ ba mảnh vỡ kia mà.

Bỗng nhiên, kỳ cục quá, tôi ôm mặt khóc, làm chị Thuần hoảng kinh: “Đừng khóc, chị, không sao đâu, chị.” Chị đưa vòng tay ôm choàng lấy tôi, như một bà mẹ an ủi con. “Chắc vì hộp cà chua rơi trúng đầu nặng quá đó chị. Vào đây, chị nằm nghỉ một lát rồi sẽ thấy khỏe khoản trở lại. Để em gọi bác sĩ Lê Ngọc Lương nhé?”

“Không, đừng gọi, chị. Nghe nói đến bác sĩ Lương tôi ngại quá. Câu chuyện có vẻ trẻ con và kỳ cục, ai lại có thể kể cho bác sĩ Lương nghe được bao giờ.” Nhưng tôi vẫn để cho chị dìu tôi vào phòng khách và đặt tôi nằm trên đi-văng. “Em hẹn lên thăm chị Ba em trưa nay. Nhưng em có thể gọi điện thoại xin lỗi.” Tôi vội vã trả lời: “Ồ không, chị Thuần! Không! Chị cứ đi đi. Nếu có chuyện gì em sẽ gọi bác sĩ Lương hoặc bất cứ ai. Chị cứ đi đi, đừng lo. Không sao đâu chị.”

Chị đứng suy nghĩ giây lát. “Được. Nhưng chị cũng đừng lo lắng gì cả nhé. Em sẽ ghé vào khi em trở về qua đây. Chị nằm yên đây và cố gắng nghỉ một chút nhé?”

Tôi nằm yên và nghe lời chị, nhưng tôi nghĩ rằng tôi sẽ không tài nào ngủ được. Bao nhiêu câu hỏi kỳ cục cứ chòn vòn trong óc. Nhưng may quá, tôi lại thiếp đi ngay sau đó không lâu.

Khi thức dậy, tôi thấy khỏe hơn. Tôi đi rửa mặt bằng nước mát và thay áo, một chiếc áo màu tím nhẹ mà anh Hưng đã một lần khen là trang nhã. Rồi tôi đứng trước gương để chải lại mái tóc. Bỗng nhiên, một tiếng nổ dòn lách tách kéo dài: tấm kiếng lớn trước bàn rửa mặt đã rạn nứt nhiều đường từ trên xuống. Tấm kiếng mà tôi đã chọn mua được ở Chợ Lớn với giá rất phải chăng, và đã rất bằng lòng vì khéo chọn. Tôi la lên một tiếng tỏ sự kinh ngạc và cúi tới phía trước để nhìn cho rõ. Rồi như một lần chớp xẹt, sự kinh hoàng xâm nhập vào người tôi. Phía sau tôi, trong kiếng, tôi có thể thấy cả phòng ngủ phản chiếu vào kiếng như thường lệ, chiếc giường của tôi, tấm ảnh bán thân của chị Thúy, và cả chiếc áo tôi mới thay ra để trên giường vẫn được phản chiếu rõ ràng. Mọi vật đều có thể nhìn trong kiếng. Chỉ trừ có khuôn mặt của tôi. Chỗ mà thay vì tôi phải thấy khuôn mặt của chính tôi, tôi chỉ thấy hư vô. Không có gì cả. Không mặt, không

người, không tay, không có tôi trong kiếng. Tôi nghiêng qua nghiêng lại nhiều cách để nhìn vào kiếng, nhưng vô hiệu. Tôi không thấy tôi. Tôi cúi sát mặt vào kiếng cũng chỉ có thể thấy hơi thở của tôi đọng lại như sương mờ trong kiếng. Hình tôi không được phản chiếu trong kiếng. Tôi không có mặt tại đây.

Chỉ sau khi cố gắng quay được lưng lại với tấm kiếng rồi, tôi mới thấy hoàn hồn. Phải có cách giải nghĩa hiện tượng lạ kỳ này chứ, tôi suy nghĩ. Có lẽ tấm kiếng hư sao đó thì phải. Nhất định mà! Phải như vậy mới được. Đó là cách giải thích của tôi, dù tôi biết rõ rằng mới đây vài phút tấm kiếng còn nguyên vẹn khi tôi thay áo và từ sáng, chẳng có ai trong phòng này cả. Ờ có lẽ vì vậy nên tấm kiếng hơi rẻ hơn giá thường chẳng? Có lẽ nó hư sẵn sao đó, nên bây giờ nó mới hư hẳn và không dùng được nữa. Thật chẳng có gì là lạ lùng kỳ quái cả. Tôi chẳng nên nghĩ vẩn vơ mà thêm lo sợ. Đây là một sự rủi ro khác, thêm vào những sự rủi ro xảy ra cho tôi từ sáng đến giờ. Chỉ có vậy thôi. Tôi không thấy hình tôi trong kiếng, vì kiếng vỡ rồi chứ có sao đâu mà lo sợ.

Tự cười mình đã quan trọng hóa một chuyện tầm thường như thế, tôi cương quyết quay lại để khám phá chỗ hư của tấm kiếng đã khiến cho tôi không nhìn thấy được tôi. Tấm kiếng vẫn nguyên vẹn, trời ơi! Không có đường nứt nào cả! Tôi nhìn thấy khuôn mặt trắng trẻo của tôi trong kiếng. Tôi nhìn lại rất kỹ một lát lâu, rồi tự nhiên hoảng kinh tràn ngập kéo tới. Tôi chỉ biết rằng tôi chạy như bị ma đuổi ra phòng khách, cầm ống điện thoại lên và gọi về tòa báo, chỗ anh tôi làm việc. Anh ấy bận việc gấp nhưng với giọng rên xiết, tôi năn nỉ cô thư ký và cuối cùng tôi nghe được giọng anh qua giây nói. “Hưng ơi, em đây. Anh có thể về với em không? Ngay bây giờ, được không anh?” Tôi năn nỉ. “Để xem... được, anh sẽ về ngay. Hương, em có sao không?” “Em có... Em bị thương, không nặng đâu anh. Chỉ một vết nhẹ trên đầu thôi. Nhưng - trời ơi, anh ơi - em sợ lắm. Em cần anh lắm. Anh Hưng ơi, mau lên.”

Anh đang về đây. Anh ấy vội vã đáp; tôi nghe tiếng ống nói của anh ấy bỏ xuống gấp gấp, rồi tiếng u u phát ra từ ống nói của tôi. Tôi vẫn

đứng yên, tay nâng ống nói như là còn muốn được nghe thêm. Rồi tôi buông ống nói xuống, nhẹ nhàng. Hôm nay tôi rủi ro quá. Phải cẩn thận mới được. Biết đâu lại không có chuyện xảy ra nữa. Tốt hơn là ngồi yên đừng làm gì nữa. Có thể là nguy hiểm. Thế rồi tôi thấy đói bụng. Dễ cười quá, những lúc như thế này mà lại còn thấy đói bụng; nhưng đúng là thế. Có lẽ tôi sẽ lấy hộp bánh bích-quy và ấm trà. Nhưng cầm hộp bánh và tách trà biết đâu lại không nguy hiểm. Cái gì cũng có thể là cạm bẫy, nguy hiểm cho tôi cả. Tôi quyết định ngồi yên không động đậy cho tới khi anh tôi về. Tôi ngồi yên lặng, nhìn về phía cửa. Rồi khi anh tôi về, tôi sẽ... trời ơi, tôi sẽ kể như thế nào cho anh ấy nghe những câu chuyện kỳ quái vừa rồi? Mà tại sao căn phòng tôi thay đổi cả như thế này? Chiếc ghế dựa của anh Hưng tôi bọc vải xanh, sao bây giờ thấy bọc vải tím sọc trắng? Bàn ghế vẫn như cũ nhưng tất cả đều xếp đặt trang trí một cách khác: có bàn tay của một người đàn bà nào đó bày biện, ngoài bàn tay của tôi. Màu sắc trang trí đẹp thật nhưng không phải là lối tôi ưa thích. Chiếc màn cửa sô màu xanh nhạt nay lại trở thành tím nhạt. Tất cả đều thay đổi. Tôi biết anh tôi thích màu tím nhạt, nhưng vì chiều ý tôi anh đã bảo anh thích màu xanh. Nhưng sáng hôm nay vẫn tôi là người nội trợ của nhà này, vẫn tôi là người trang trí sắp đặt căn phòng khách này, tại sao bây giờ mọi sự thay đổi như thế được? Mọi sự thay đổi như không có mặt của tôi trong ngôi nhà này, và hiện có mặt một người khác. Cái tủ sách, kỳ chưa, cũng được xếp đặt một cách khác hẳn. Tại sao? Mới đây, mới hồi sáng đây...

Tôi đứng ngẩn ngơ cố nhớ ra mọi việc nhưng không thể nào hiểu được. Bỗng tôi nghe tiếng xe hơi quen thuộc của anh tôi trở về. Rồi tiếng tắt máy, tiếng cửa xe hơi đóng sầm lại. Anh đã về. Trong một lát thôi, tôi biết anh sẽ gọi có ai ở nhà không? như mọi lần và sẽ bước vào nhà. Nghĩ đến anh, và biết rằng chỉ trong một phút nữa thôi tôi sẽ được yên ổn trong tay anh, tôi thấy đầu tôi tỉnh táo hơn lên. Mọi chuyện rồi sẽ qua. Tôi nhắm mắt lại một lát và nghĩ rằng khi mở mắt ra mọi sự vật trong phòng đều trở về y nguyên như hồi sáng, như tự bao giờ. Chiếc ghế xanh của tôi sẽ trở về chỗ cũ với vải bọc màu xanh. Cái màn cửa sẽ cũng trở về xanh nhạt... và anh tôi, với nét mặt hiền

hậu và nụ cười cương quyết mọi khi, sẽ hiện ra trước cửa, hỏi tôi: “Sao đó em...” Rồi mọi sự sẽ tốt đẹp trở lại như thường.

Tôi nhắm mắt lại, khi mở mắt ra, mọi vật vẫn không thay đổi. Phòng khách vẫn là phòng khách tím nhạt. Tủ sách vẫn là tủ sách sắp đặt theo kiểu lạ. Nhưng - ôi sung sướng - tôi nghe tiếng của anh tôi từ ngoài sân vọng vào. “Có ai ở nhà không?”

Tôi chưa kịp trả lời thì cửa phòng ngủ mở, phòng của tôi - một thiếu phụ đi ra. Thiếu phụ cao hơn tôi một chút nhưng dáng người thanh nhã, và nét mặt rất đẹp. Tôi chưa từng thấy nàng bao giờ trong đời tôi, nhưng sao nàng lại từ trong phòng tôi bước ra, quen thuộc, như là cái nhà này là nhà của chính nàng. Sau nàng, tôi thấy một cô bé vào khoảng mười tuổi xinh đẹp, hao hao giống Yến Chi. Tôi đã gặp nó lần nào chưa nhỉ; sao trông có vẻ giống cháu Chi quá. Không, tôi chưa gặp lần nào.

Đúng lúc đó, anh tôi bước vào. “Em!” Anh kêu lên, nhưng anh bước thẳng lại với người thiếu phụ, và hôn nàng trên mái tóc, rồi hôn em bé phía sau. Anh không trông thấy tôi.

Có tiếng ai thét lên. Một lát thấy cổ họng khô cháy, tôi biết là chính tôi đã la hét. Tôi ngất đi, không biết gì nữa.

Sáng hôm sau, khi thức dậy, tôi thấy tôi đang nằm trong bệnh viện. Hai khuôn mặt đầy lo âu đang chăm chú nhìn tôi: khuôn mặt của anh Hưng tôi và của bác sĩ Lương. Thấy tôi đã tỉnh, bác sĩ Lương kêu lên “Cô ấy đã tỉnh dậy rồi!” và khoan khoái thở dài như vừa giải xong một bài toán khó. “Cô cứ nằm yên, bác sĩ tiếp, mọi sự đều tốt đẹp, không sao cả.” Anh Hưng có lẽ đã lo lắng suốt một ngày một đêm vừa qua nên bây giờ cũng lộ vẻ mừng rỡ. Anh bước đến gần và nắm chặt lấy bàn tay tôi.

“Việc xảy ra như thế nào, anh, tôi hỏi.” Anh đưa mắt nhìn bác sĩ Lương, nhận một cái gật đầu đồng ý rồi cúi xuống tôi: “Anh cũng không biết rõ nữa, Hương. Em gọi giây nói đến tòa báo, giọng em có vẻ hoảng hốt, vì vậy anh hấp tấp trở về ngay. Khi anh vào, em đang

đứng trong phòng khách la hét như người mất hồn. Khi anh đến gần thì em ngất đi.”

Bác sĩ Lương tiếp: “Cô bị chấn động thần kinh. Triệu chứng rất rõ ràng. Cô có một dấu sưng trên đỉnh đầu, và suốt thời gian nằm mê man trong bệnh viện, cô ở trong một trạng thái kinh hoàng. Kèm theo những cơn nhức đầu dữ dội và nôn mửa, những triệu chứng thường hay đi đôi với bệnh thần kinh chấn động. Anh cô nói là cô điện thoại về tòa báo. Vậy tôi chắc có tai nạn gì đã xảy ra cho cô sáng hôm qua. Cô có nhớ gì không?” Tôi ngần ngại. Bác sĩ nhìn tôi rất lâu và rất chăm chú. “Tai nạn gì chưa biết, nhưng hình như nó còn làm cho cô kinh hoàng. Cô nên nghe lời tôi”, bác sĩ tiếp.

Tôi bèn kể lại cho bác sĩ và anh tôi nghe đầu đuôi câu chuyện, từ lúc hộp cà chua rớt xuống đỉnh đầu cho đến khi tôi bắt đầu la hét lên. Mọi chi tiết vẫn còn rõ ràng trong óc tôi - cháu Yên Chi với chiếc bánh xe, chiếc đĩa cổ của bà ngoại đã vỡ rồi lại lành lặn trở lại, những chữ viết trên bảng đen hiện ra trong đầu nói về đứa con của anh chị Thuần, tấm kính soi mặt vỡ rồi lại lành, người thiếu phụ trong phòng khách mà anh tôi đã hôn lên tóc. Khi tôi kể xong câu chuyện, anh tôi cười. “Cô còn quên chuyện cô gọi điện thoại về nhà báo. Hương, em kể chuyện hay lắm; em phải bắt đầu viết những chuyện thần kỳ để đăng báo mới được.” Nghe anh khôi hài, tôi cảm thấy đau đớn. Tôi thoáng cảm lại cái dư hưởng của sự hoảng sợ đã khiến tôi hét lên như ngày hôm qua. Tôi nói: “Đừng cười, anh. Câu chuyện không vui đâu anh. Câu chuyện không đáng cười một chút nào hết, anh.”

Anh tôi nắm bàn tay tôi chặt hơn và cúi xuống hôn trên trán tôi. “Anh biết, xin lỗi em. Anh vui vì thấy em đã được bình phục. Có phải vậy không bác sĩ?”

“Nhất định rồi. Cô ấy đã bình phục như thường. Ồ, không có gì lo lắng cả. Những chấn động thần kinh thường hay gây ra nhiều chuyện lạ. Nhưng sau đó thì tất cả đều trở thành một câu chuyện vui cho gia đình. Có lẽ sau này mỗi khi cô dùng chiếc đĩa cổ của bà ngoại, anh cô

lại trào phúng bảo cô hãy cẩn thận đừng đánh vỡ lần nữa.” Bác sĩ cười và nói tiếp: “Và nếu ông bà Thuần quả thật là sinh con trai, thì cô đừng vì thế mà mở cửa hàng tương số nhé. Nên nhớ là chỉ có hai trường hợp: một là trai, hai là gái. Vậy thế nào cũng có ít nhất năm chục phần trăm may mắn.”

Câu nói pha trò của bác sĩ Lương làm cho tôi yên tâm và nhẹ nhõm, hơn bất cứ lời hứa nào về sức khỏe của tôi mà bác sĩ trang trọng nói. Ngày mai, khi anh tôi đến nhà thương để đưa tôi về, thì tôi đã cười nói như thường và quyết định sẽ quên hết mọi chuyện kỳ cục đã xảy ra.

Nhưng sau đó mấy hôm, tôi đánh vỡ chiếc đĩa cổ của bà ngoại. Tôi đang rửa thì nó tuột khỏi tay tôi và rơi xuống sàn nhà, vỡ làm ba mảnh. Tôi cúi xuống nhặt lên cả ba mảnh vừa nghĩ rằng anh Hưng khéo tay có thể gắn lại đẹp hơn tôi, thì bỗng nhiên sự kinh hoàng trở về, xâm nhập tôi mau chóng như một luồng điện giật.

Run rẩy, tôi bước lui và gieo mình trong một chiếc ghế. Điều trước tiên mà tôi có thể nghĩ đến là tôi đánh vỡ chiếc đĩa cổ của bà ngoại. Cũng giống hệt như lần trước, khi chiếc đĩa không vỡ. Rồi tôi tự nhủ: “Đừng có điên. Chiếc đĩa lớn quá và khó sử dụng. Mình cứ hay sợ là sẽ làm vỡ nó nên đã có ảo tượng là đã làm vỡ nó trong lần trước, nhưng lần này thì vỡ thật rồi.” Quả quyết, tôi đứng dậy cầm ba mảnh vỡ của chiếc đĩa, đi tới tủ chén và cất chúng vào đấy cho anh tôi. Một lát sau chị Thuần ghé chơi. Nhìn vào mặt tôi, chị la lên: “Ô hay, chị Hương, sao chị như mất hồn thế?”

“Em đánh vỡ chiếc đĩa cổ của bà ngoại”, tôi la lên như muốn khóc. Chị Thuần và tôi hai người đứng yên lặng nhìn nhau.

“Lại nữa!”, chị nói. Nhưng vẻ mặt cũng hoảng hốt, không bình tĩnh như giọng nói cố trấn tĩnh của chị. Đưa một ngón tay chỉ vào mặt tôi, chị cố gắng lấy vẻ tự nhiên: “Chị đứng yên đây nghe, đừng động đậy. Để em xem.” Chị ra lệnh và đi lại tủ chén. Rồi chị trở ra, thở dài khoan khoái. Đúng, nó vỡ thật. Rồi chị cười và ôm lấy tôi, trách móc: “Thôi nhé, chị đừng dọa em sợ mất hồn như thế nữa nhé. Chị nên nhớ

rằng em cũng đang ở trong điều kiện mong manh lắm, đừng làm cho em sợ. Bác sĩ bảo em chỉ nên nghĩ tới những điều tốt đẹp và an lành mà thôi.”

Chúng tôi cùng cười vui vẻ. Khi chị Thuần đi rồi, tôi nghĩ rằng từ đây phải quên hết mọi chuyện điên khùng ấy đi. Nhưng buổi trưa đó, khi tắm xong, đang mặc áo, tôi bắt gặp tôi đang thềm lên nhìn vào tấm gương để xem coi nó có nứt rạn chẳng. Khi anh tôi về, vào giờ cơm trưa, tôi kể lại chuyện chiếc đĩa, và có thể cười tự trào về câu chuyện. Anh ấy đem ba mảnh vỡ ra và gắn lại khéo đến nỗi khó mà trông thấy đường nứt trên chiếc đĩa cổ.

Tuần sau chúng tôi đi Cấp, anh Hưng, tôi và cháu Yên Chi. Một tuần lễ ở lại bãi biển khiến chúng tôi mạnh khỏe hơn lên. Khi ở Cấp trở về, tôi hầu như đã quên hết mọi việc đã xảy ra. Mọi việc đều trở lại bình thường như cũ. Thứ sáu đó, tôi đến thăm chị Thuần. “Em thấy trong người kỳ lạ lắm chị Hương.” Hỏi kỳ lạ như thế nào, chị trả lời: “Em không biết. Chỉ thấy kỳ lạ trong người, thế thôi.” Nhưng hai giờ trưa hôm ấy khi chị gọi điện thoại cho tôi thì tôi biết là chị sắp sinh cháu bé. Tôi vội chạy đến diu chị nằm trên giường và cấp tốc gọi bác sĩ Lương ở bệnh viện. Đồng thời tôi cũng gọi anh Thuần ở sở. Nhìn chị Thuần quần quai tôi không có ruột gan nào mà suy nghĩ gì cả. Mãi đến khi anh ấy và bác sĩ Lương trở về, chở chị cấp tốc vào nhà thương tôi mới kịp nghĩ ra rằng hôm nay không những là thứ sáu mà lại còn là ngày mồng sáu tháng bảy nữa. Đúng hết là ngày mà tôi tiên đoán. Em bé ra chào đời vào bảy giờ tối hôm ấy. Khi tôi gọi điện thoại cho anh Thuần, anh ấy vui vẻ bảo: “Bình yên, cảm tạ cô. Dễ dàng như trở bàn tay. Nhà tôi khỏe.”

- Còn cháu?
- Cháu khá.
- Cháu trai hay gái? tôi lật đật hỏi giọng run run.
- Trai, gì thế cô?

Tôi không trả lời, buông ống nói xuống. Chỉ muốn hỏi cho biết là trai hay là gái thế thôi. Chỉ muốn biết coi có đúng không, thế thôi. Tuy nhiên, tôi không rối loạn lắm. Tôi tự lý luận với mình như một nhà triết học. Ngẫu nhiên, toàn là ngẫu nhiên cả. Chỉ là ngẫu nhiên tình cờ. Như cái đĩa cổ của bà ngoại. Một mớ ngẫu nhiên nữa, nhưng cùng một kiểu ngẫu nhiên như thế cả. Chẳng có gì lạ.

Tôi bám chặt vào ý tưởng ấy, cố tin vào đó. Sáng chủ nhật khi hai anh em vào nhà thương, chị Thuần cười: “Ồ! chị Hương! Đúng là mồng sáu tháng bảy! Đúng là con trai! Sao chị không ra ngồi ở lãng ông Bà Chiêu mà làm thầy tướng số cho rồi đi chị?” Tôi vẫn không nao núng, và vẫn cố tin vào ý tưởng ngẫu nhiên, tình cờ.

Chiều thứ hai, tôi trở lại nhà thương. Chị Thuần nói: “Chúng em quyết định về tên của em bé rồi. Hôm qua khi chị Kim Anh đến thăm và ra về, thì chúng em bàn đặt tên của em bé ngay.”

Tim tôi bắt đầu đập mau, và tôi tự nhủ đừng có làm đồ điên lần nữa. Tôi hỏi: “Tên gì? - anh chị đặt tên gì?”

“Chị không tưởng tượng được đâu nhé. Đáng lẽ là Hậu, hay tên Kính, hay là tên Lương. Nhưng không biết nghĩ sao tôi nghĩ đến chị Kim Anh, người đã thi ơn cho chúng tôi nhiều trong những năm chúng tôi còn lận đận và muốn nhớ tới chị, chúng tôi đặt tên cháu là Hùng. Nhưng trời ơi, sao thế chị Hương? Mặt chị trắng như một tờ giấy.” Tôi lấy bẫy tìm một chiếc ghế và ngồi xuống. “Đừng có làm gì cho chị ấy kinh hoảng”, tôi tự nhủ, và tôi trả lời: “Không sao cả chị, em hơi mệt.”

Không biết làm sao mà tôi đã sống qua được ngày hôm ấy để đợi anh tôi về. Khi anh về vào lúc bảy giờ chiều tôi ngã trong tay anh và khóc như một đứa trẻ con. Chừng mười phút sau, anh mới đỡ tôi nín được và bảo tôi kể chuyện cho anh ấy nghe. Cuối cùng anh ấy hỏi: “Vậy thì anh chị đã đặt tên cho cháu bé là Hùng?” Tôi gật đầu, rồi bỗng nhiên nhìn anh mà nói với một vẻ giận dữ: “Em cấm anh không được cười nghe không! Đừng có cười đàn bà con gái điên khùng lắm chuyện.”

Tôi ngạc nhiên nghe anh trả lời chậm rãi: “Không, anh không cười nữa đâu. Trái lại anh lấy làm lo lắng. Hương, em hứa với anh. Em hứa đến thăm bác sĩ Lương và kể hết mọi chuyện nhé?”

Tôi hứa, nhưng tôi vẫn dằn dà không gọi điện thoại để định trước giờ gặp. Tôi ngần ngại. Tôi có thể tưởng tượng bác sĩ Lương ngồi sau bàn giấy, lắng nghe câu chuyện vô lý của tôi kể và cố gắng che giấu một nụ cười thương hại, thương hại cho cái thứ đàn bà con gái suy nhược thần kinh. Tôi chắc rằng ông ta cũng sẽ nhiều lắm là cho một toa thuốc gồm các thứ an thần và bổ dưỡng rồi nói vài câu an ủi và trấn tĩnh.

Một tuần trôi qua. Tối nào anh tôi cũng hỏi: “Cô đã gọi bác sĩ Lương chưa?” Cuối cùng tôi hứa với anh tôi là sẽ gọi bác sĩ Lương sáng thứ hai tới. Nhưng sáng thứ hai cháu Yên Chi đau bụng, tôi không cho cháu đi học. Khi xe nhà trường đi rồi, chứng đau bụng của cháu biến mất một cách mau chóng và đáng nghi. Cháu xin ra ngoài sân chơi. Tôi đang ở trong bếp rửa chén bát của buổi ăn sáng thì bỗng nghe cháu gọi “Me ơi me! Ra mà xem.”

Tôi vừa bước tới cửa sổ thì bỗng thấy lo lắng ở đâu tràn ngập tâm hồn. Vì sao? Tôi không biết. Bỗng cháu Yên Chi chạy tới trước cửa sổ, la lên:

- Me, con làm được một bánh xe-một chiếc bánh xe!

Run rẩy, tôi bám chặt thành cửa cho khỏi ngã. Tôi thấy tà áo đỏ của cháu bay phất phơ trong gió. Nhưng áo của cháu không ngắn quá như lần trước; tôi đã xuống lai cho dài hơn. Ồ, vậy thì không đúng với lần trước rồi. Không đúng rồi, vì lần trước áo cháu ngắn hơn.

Tôi có thể trông thấy cháu Yên Chi đang nóng nảy đợi tôi khen. Tôi biết nói làm sao đây? Hay phải nói những tiếng tiền định? “Ồ, con giỏi lắm”, tôi buột miệng không giữ kịp. “Con đem cho Suzanne coi mẹ nhé? Suzanne cũng nghỉ học. Nó trặc chân.” Cái việc trặc chân cũng là một việc mới không đúng với lần trước. Tôi nghĩ: “Hoặc giả lần này cũng là giả như lần trước?” Tôi rung mình, lạnh xương sống.

- Được không Me? Được không? Cháu giục.

“Đừng”, nhưng tôi vội chữa lại, không biết vì sao: “Được; nhưng đừng đi đâu quá nhà Suzanne, và nhớ về trước giờ cơm trưa, nghe con”, tôi nói nốt những tiếng tiền định.

Tôi đứng lặng yên như vậy một lát, nhìn theo cháu nhảy nhót chạy ra cửa ngõ. Rồi tôi trở vào, đi thong thả. Thong thả như một người già cả. Trời oi, tôi chẳng bao giờ được già đâu. Trước khi già tôi đã phải chết. Tôi sẽ không còn sống nữa. Không còn hiện hữu nữa. Không còn hiện hữu trong cái nhà này nữa. Tôi sẽ xa anh tôi, sẽ xa cháu Chi. Người thiếu phụ kia là ai nữa, nếu không phải là vợ anh tôi, sau khi tôi đã chết. Em bé xinh đẹp kia là ai nữa nếu không phải là cháu Yên Chi lớn lên. Lần đầu tiên tôi hiểu tại sao phòng khách lại trang hoàng màu tím nhạt và màu trắng. Tôi để rơi mình trên một chiếc ghế. Trời oi, tôi khóc như mưa.

Tôi ngồi đó thật lâu. Rồi tâm hồn tôi dịu lại. Tôi không còn sợ hãi nữa. Tôi không cảm thấy gì hết. Tôi thấy tôi nghĩ đến điều đó như một điều định mệnh, hiển nhiên. Tại sao tôi lại biết chắc rằng tôi sẽ chết. Tôi tự hỏi. Anh tôi có thể cưới vợ, lập gia đình, nhưng việc gì mà tôi phải chết? Giả sử tôi đi dạy ở nơi khác. Nhưng nếu tôi đi dạy nơi khác tại sao tôi không đem cháu Yên Chi đi? Tại sao cháu Yên Chi lại ở đây với người thiếu phụ? Thôi quyết rồi, quyết là tôi chết rồi.

Vậy thì cái chết của tôi mới là lời giải hợp lý cho mọi việc. Tôi cố nhớ lại những gì tôi thấy trong phòng của tôi - hay là phòng của cô ta? - nhớ lại ngày đầu tiên câu chuyện quái đản xảy ra. Cháu Yên Chi lúc ấy có vẻ lớn hơn bây giờ nhiều, vào khoảng trên mười tuổi. Vậy là bốn năm sau. Có lẽ tôi chưa chết ngay bây giờ đâu. Nhưng có thể trước cái ngày ấy một năm, hai năm hay ba năm.

Tôi vùng đứng dậy và thấy toàn thân run lên. Trời oi, tôi điên rồi hay sao. Tại sao một cô gái mạnh khỏe như tôi mà lại nghĩ đến cái chết của mình một cách bình tĩnh như thế? Tôi đưa tay lên sờ mặt và thấy đôi má tôi ướt đầm. Tôi đã khóc mà tôi không biết. Rồi cẩn thận, tôi nhón

gót đi từng bước một đến máy điện thoại và gọi bác sĩ Lê Ngọc Lương.

Chiều hôm ấy, khi giáp mặt bác sĩ ngồi sau bàn giấy, tôi cảm thấy những lo lắng, sợ hãi của tôi trở thành kỳ cục. Tuy nhiên bác sĩ vẫn ân cần như tôi phải khám lại toàn cơ thể, kể cả chiếu quang tuyến X để biết chắc rằng không có bộ phận nào bị hư hại vì thần kinh chấn động. Không có bộ phận nào hư hại thật. Về thân thể, tôi cũng mạnh khỏe bình thường như bất cứ người đàn bà con gái nào. Bác sĩ Lương còn gửi tôi tới một bác sĩ phân tâm học, bạn của ông ta nữa. Bác sĩ này lắng nghe tôi kể mọi chuyện một cách hết sức chăm chú và trấn tĩnh tôi. Tôi không có bệnh gì cả. Tâm lý vẫn bình thường. Ông bảo rằng những ý tưởng về cái chết và sự xa cách những người thương yêu là những ý tưởng rất phổ thông và thường hay gây ảo tượng. Phần lớn phụ nữ đều có trải qua hiện tượng ấy, dầu ít, dầu nhiều. Vì thần kinh chấn động, những hiện tượng kia có thể trở thành rất thực, nhất là trong những lúc lo lắng quá độ. Bác sĩ chỉ cho tôi những hiện tượng lo sợ con con của tiềm thức đã nổi lên trên mặt phẳng ý thức và tác động như thế nào dưới ảnh hưởng của vết thương trên đỉnh đầu. Khi tôi cất chiếc áo đỏ của cháu Yên Chi trên tầng tử, tôi đã chẳng thầm như trong tiềm thức rằng sẽ đem xuống một lai nữa cho cháu mặc vào mùa thu hay sao? Chiếc kính soi mặt nứt rạn rồi lành lại, chẳng qua chỉ là do quáng mắt trông nhầm, vì ảnh hưởng của vết thương quá mạnh trên đầu. Chiếc đĩa kiêu của bà ngoại cũng vậy, do mắt quáng mà thấy lằm đó thôi. Còn ngày sinh của bé Hùng, thì ba tuần sớm hơn cũng là một chuyện thường xảy ra; tôi há lại chẳng biết rằng cái tên Hùng rất phổ thông, thường đặt cho con trai cho có vẻ mạnh mẽ hay sao?

Khi cuộc nói chuyện chấm dứt, tôi gần như đã bị bác sĩ chinh phục hoàn toàn. Gần như. Từ đó trở đi, chẳng có gì hiển hiện thêm nữa, nên những nghi ngờ còn sót lại cũng yếu dần, yếu dần. Tỉnh thoảng, chỉ thỉnh thoảng thôi, cái cảm giác sợ hãi mới len lén trở về. Song tôi vẫn không để ý rằng anh tôi vẫn theo dõi tôi từ từng giọng nói đến từng cử động. Mãi đến tối thứ bảy vừa qua, cách ngày tôi gặp bác sĩ Lương hơn hai tháng, trong khi cháu Yên Chi đang học bài trên lầu,

khi lui cui trong bếp để nấu chè đỗ xanh, tôi mới để ý. Anh ấy cầm đèn soi cho tôi bắc song chè xuống, nói chuyện cho tôi vui, cho có bạn. Tôi đang chìm đắm trong sự lo âu vô có, thì bỗng anh dần mạnh chiếc đèn xuống bàn nói lớn: “Đừng, em.”

“Đừng cái gì, hở anh?” Tôi hỏi một cách ngượng nghịu như người bị bắt quả tang.

“Đừng có nghĩ tới... cái việc ấy nữa.”

Tôi đặt song chè xuống bàn, và nhìn anh, đau khổ: “Anh Hưng ơi, làm sao em có thể tránh cho được? Ai nói gì thì nói, ai lý luận gì thì lý luận, không biết tại sao em vẫn cứ nghĩ rằng em biết, em biết tất cả những gì còn lại sẽ xảy ra cho em, anh ơi.”

Anh tôi bước lại gần, quàng tay ôm lấy tôi và nói rất nhẹ: “Em Hương, anh cũng biết một điều rất rõ. Điều mà anh sẽ nói cho em nghe. Đó là anh thương em.” Anh nâng cằm tôi lên, bắt tôi phải nhìn thẳng vào mắt anh, và nói tiếp: “Em là người mà anh thương yêu nhất trên đời này. Ba mẹ đã mất rồi. Anh chỉ còn có một mình em. Còn anh đây, làm sao anh lại để cho mất em, hả Hương? Em không biết rằng mất em anh sẽ cảm thấy thiếu tận xương tận tủy anh sao? Nhưng anh biết rằng điều đó sẽ chẳng bao giờ xảy đến cho chúng ta cả.”

Tôi dường như thấy tình thương của anh tôi tỏa hào quang và bao bọc che chở cho tôi, làm cho tôi cảm thấy êm ái và hết cả mọi lo âu. Trong lúc ấy, nhìn vào mắt anh, tôi biết rằng tôi có thể tin lời anh. Tôi sẽ không bao giờ chết. Và anh tôi dường cũng biết tôi nghĩ như vậy. Tôi múc chè ra chén và nói chuyện với anh tôi một cách tự nhiên, sung sướng. Trong mấy tháng nay, chẳng khi nào tôi được sung sướng như thế.

Khi chè đã múc xong, tôi đi rửa mặt, rửa tay và thay áo mát buổi tối. Anh tôi ra phòng khách. Tôi đang đứng trước tấm kiếng để thay áo, bỗng tôi thấy nó hiển hiện. Tấm kiếng. Một tiếng lách tách kéo dài, tấm kiếng nứt rạn theo những đường ngoằn ngoèo kỳ dị, từ trên xuống dưới.

Tôi biết là nó đã xảy đến, cái việc mà tôi đã đợi chờ từ lâu, lo lắng từ lâu. Tôi đã biết trước rằng một ngày kia tôi sẽ phải nhìn vào tấm kiếng vỡ để thấy những visions trở thành sự thực. Tôi đã nghĩ rằng nó chưa xảy đến. Chưa. Có lẽ không bao giờ. Tôi sẽ tin lời anh tôi, tin lời bác sĩ, tin một cách hoàn toàn để mà sống, khi mà tấm kiếng chưa vỡ.

Nhưng nay nó đã vỡ. Lặng lẽ và chậm rãi, tôi tiến lại gần nó, để nhìn tận mắt và để khám phá rằng tôi không hiện hữu trong kiếng. Nhưng không, hình tôi vẫn phản chiếu trong kiếng như mọi khi. Mà có cái gì là lạ cũng phản chiếu trong kiếng nữa. Tôi cúi tới trước để nhìn cho rõ. Sau bối cảnh, tôi thấy... những hang dài thánh giá và chữ vạn chạy dài tới vô biên nổi bật trên những nắm mồ cỏ xanh. Cây cối um tùm như trong nghĩa địa. à, mà đúng là nghĩa địa thật rồi, dàn trải đến chân trời. Noi yên nghĩ ngàn đời...

“Hung, anh Hung! Trời đất ơi! Anh Hung! Mau lên anh”, tôi hét lên. Anh tôi chạy vào, hoảng hốt và hình như không thấy tôi cho nên ngo ngác nhìn quanh. Anh ở ngoài sáng chạy vào nên không kịp trông thấy tôi, hoặc giả anh đã không trông thấy tôi hiện hữu trong lúc đó? Có lẽ nghe tiếng hét anh mới tìm tới được chỗ tôi đứng. Và khi mắt chúng tôi gặp nhau trong tấm kiếng vỡ thì tôi biết rằng, cuối cùng, anh đã phải tin.

